



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 32/2021
Từ 09/8 - 13/8/2021

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TỔNG BÍ THƯ CHỈ ĐẠO NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN, CHIA SẼ SÂU SẮC, KỶ VỌNG VÀ TIN TƯỞNG VÀO CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ 2021 - 2026

Bài phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư tại Hội nghị là những định hướng, chỉ đạo có tính khái quát, tổng thể, toàn diện, xuyên suốt, sâu sắc, có trọng tâm, trọng điểm cho Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 và cả giai đoạn tiếp theo, thể hiện sự quan tâm đặc biệt, sự chia sẻ sâu sắc, sự kỳ vọng và tin tưởng lớn lao của Đảng, Nhà nước, Nhân dân dành cho Chính phủ.



Tại phiên họp, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng dành một lượng lớn thời gian phát biểu để phân tích, làm rõ 4 vấn đề lớn về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng bộ máy. Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Chính phủ mới với khí thế mới, động lực mới sẽ quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả, nói đi đôi với làm để kết quả năm sau cao hơn năm trước, nhiệm kỳ sau nỗ lực phấn đấu tốt hơn nhiệm kỳ trước.

Sáng ngày 11/8, Chính phủ khóa XV họp Phiên đầu tiên để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Phiên họp vinh dự được đón đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tới dự và phát biểu chỉ đạo.

Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta - nhân tố quyết định để Chính phủ hoàn thành xuất sắc trọng trách

Trong bài phát biểu chỉ đạo rất quan trọng tại Phiên họp, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng đây là một Phiên họp có ý nghĩa rất quan trọng về nhiều phương diện nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Phiên họp diễn ra vào thời điểm có nhiều sự kiện lớn của đất nước, thể hiện sự phối hợp rất nhịp nhàng, ăn khớp của cả hệ thống chính trị ở nước ta, sự đoàn kết nhất trí cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Theo Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, trải qua hơn 75 năm, với 15 nhiệm kỳ hoạt động, dưới nhiều tên gọi khác nhau, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà trước đây cũng như Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay đã luôn luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, không ngừng phát huy vai trò, vị trí là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp; thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý, điều hành phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại,... theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật, có những đóng góp to lớn và quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhìn một cách tổng thể, mỗi nhiệm kỳ của Chính phủ đều để lại những dấu ấn riêng và đều hoàn thành trọng trách mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ trong việc tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật; hoạch định chính sách và trình dự án luật, pháp lệnh; quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển văn hoá, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, thông tin và truyền thông; thực hiện các chính sách xã hội, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế...

“Những thành tựu đạt được của Chính phủ trong 75 năm qua bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta - nhân tố quyết định để Chính phủ hoàn thành xuất sắc trọng trách mà Đảng, Nhà nước và nhân dân tin tưởng giao phó. Chính phủ các khoá đã luôn luôn nắm vững đường lối, quan điểm và các chủ trương, chính sách của Đảng để cụ thể hoá và thể chế hoá thành luật pháp và vận dụng đúng đắn vào các hoạt động của Chính phủ”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh.

Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động trong giai đoạn phát triển mới

Theo Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thành công tốt đẹp, nhất trí cao đề ra Chiến lược xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước, trong đó có Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Hội nghị Trung ương 3 vừa qua đã kiện toàn một bước các nhân sự chủ chốt trong hệ thống chính trị, ban hành Kết luận về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 và đã được Quốc hội khoá XV nhất trí cao, thể chế hoá tại Kỳ họp thứ nhất mới đây.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang khẩn trương, tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các kết luận của Trung ương trong bối cảnh, tình hình có nhiều khó khăn, thách thức lớn hơn trước và gay gắt hơn so với dự báo. Cụ thể, từ đầu năm đến nay, cả nước vẫn phải tiếp tục nỗ lực, quyết liệt chống dịch COVID-19; đợt bùng phát dịch lần thứ tư lây lan rất nhanh, hết sức nguy hiểm, phức tạp, khó kiểm soát và có thể còn tiếp tục kéo dài; thậm chí vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát các đợt dịch mới. Kinh tế - xã hội nước ta tuy tiếp tục phát triển, đạt được nhiều kết quả tích cực so với

cùng kỳ năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn mục tiêu đề ra. Sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân, nhất là ở những vùng có dịch và những ngành, lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Hội nghị Trung ương 3 của Đảng và Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khoá XV đã đề ra, Tổng Bí thư nêu rõ Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 cần tiếp tục phát huy mạnh hơn nữa, tốt hơn nữa truyền thống vẻ vang, những kết quả, thành tích to lớn và những bài học kinh nghiệm quý báu mà Chính phủ qua các thời kỳ đã đạt được; nỗ lực phấn đấu cao hơn nữa trên con đường đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động trong giai đoạn phát triển mới.

Tập trung ưu tiên thực hiện 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược, xử lý dứt điểm những "điểm nghẽn", vướng mắc, tồn tại để phát triển đất nước nhanh và bền vững hơn trên cơ sở tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của đất nước; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục có hiệu quả tác động của đại dịch COVID-19, nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế.

Phát huy mạnh mẽ các giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam và sức sáng tạo của mỗi cá nhân; từng bước xây dựng một xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; bảo đảm cuộc sống bình yên và hạnh phúc của Nhân dân; chú trọng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong quá trình này, cần luôn luôn quan tâm nghiên cứu, nắm chắc và quán triệt thật sâu sắc các vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản, có tính nguyên tắc rất quan trọng đã được thể hiện trong Cương lĩnh, đường lối cơ bản của Đảng ta về cách mạng nước ta. Đặc biệt là, 4 vấn đề lớn về: phát triển kinh tế; phát triển văn hoá, xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ.

4 vấn đề lớn về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng bộ máy

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã dành một lượng lớn thời gian phát biểu để phân tích, làm rõ 4 vấn đề lớn.

Thứ nhất, về phát triển kinh tế, mô hình kinh tế mà chúng ta xây dựng là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp

thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế hỗn hợp, đa sở hữu, nhất là các doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thứ hai, về phát triển văn hoá, xã hội, một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển.

Coi văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội và xác định phát triển văn hoá đồng bộ, tương xứng với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội cũng là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hoá mà Việt Nam xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hoá thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là một xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm, do đó cần và có điều kiện để xây dựng sự đồng thuận xã hội thay vì đối lập, đối kháng xã hội.

Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của Nhân dân. Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ.

Thứ ba, về tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Tổng Bí thư nêu rõ: Tình hình thế giới, trong nước đang diễn biến nhanh chóng, phức tạp đòi hỏi chúng ta phải luôn luôn quan tâm giữ vững độc lập, tự chủ; tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh theo đúng phương châm: "phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên". Trong mọi chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải luôn luôn quan tâm vấn đề quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng thực chất và đi vào chiều sâu. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả công tác đối ngoại của Đảng với ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân.

Thứ tư, về xây dựng tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ, đây là vấn đề cơ bản, rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến toàn bộ hoạt động của Chính phủ. Vì vậy, Chính phủ, các cơ quan

thuộc Chính phủ và chính quyền các cấp cần đặc biệt quan tâm, làm tốt hơn nữa công tác này, thực hiện nghiêm Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật khác có liên quan nhằm xây dựng tổ chức, bộ máy và cán bộ thật sự trong sạch, vững mạnh, có đủ bản lĩnh, trí tuệ, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trình độ chuyên môn vững vàng.

Đồng thời, tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI và khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", gắn với việc đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh một cách thực chất. Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ; nâng cao đạo đức, văn hoá, tính chuyên nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để "không thể, không dám, không muốn, không cần tham nhũng". Đồng thời, chấn chỉnh, đấu tranh loại bỏ tư tưởng bần lười, vin có rằng việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực sẽ cản trở sự phát triển, làm nhụt chí dẫn đến làm "cảm chừng", "phòng thủ", "che chắn", giữ "an toàn" trong một bộ phận cán bộ, công chức nào đó, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

“Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam, kiên định con đường mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn; với sự nỗ lực, cố gắng, quyết tâm cao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các thành viên Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan trực thuộc Chính phủ; với sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; sự ủng hộ và giám sát của nhân dân; sự hợp tác và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2025 nhất định sẽ phát huy những kết quả, kinh nghiệm và truyền thống vẻ vang của 75 năm qua, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tổ chức và phương thức hoạt động, đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp to lớn hơn nữa vào công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xứng đáng với vị trí, vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là cơ quan trực tiếp tổ chức, quản lý, triển khai thực hiện có hiệu quả mọi chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, biến đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước thành hiện thực sinh động, mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân, làm vẻ vang cho Dân tộc, cho giống nòi”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng bày tỏ.

Tiếp thêm sức mạnh để quyết tâm xây dựng Chính phủ đổi mới, liêm chính, kỷ cương, hành động, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ

Tiếp thu phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ: Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ khóa XV, chúng ta rất phấn

khởi và vinh dự được các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đến dự, đặc biệt là được đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng dành thời gian, tình cảm quý báu của mình dự và có bài phát biểu rất quan trọng. Đây thực sự là nguồn động viên, chia sẻ, cổ vũ, khích lệ to lớn đối với Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, là những định hướng, chỉ đạo có tính khái quát, tổng thể, toàn diện, xuyên suốt, sâu sắc, có trọng tâm, trọng điểm cho Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 và cả giai đoạn tiếp theo; đồng thời, tiếp thêm sức mạnh để quyết tâm xây dựng Chính phủ đổi mới, liêm chính, kỷ cương, hành động, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ.

Phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho chúng ta thấy rõ hơn trọng trách của Chính phủ trước Đảng, trước Nhà nước và trước Nhân dân, thực hiện tốt vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp và là cơ quan chấp hành của Quốc hội; thấy rõ hơn các yêu cầu, nhiệm vụ cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quyết tâm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đảng toàn quốc đã đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Quốc hội vừa mới ban hành. Đồng thời, qua đó, tiếp tục bổ sung, góp phần hoàn thiện, phát triển lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, góp phần xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do dân, vì dân và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Chính phủ mới, khí thế mới, động lực mới và với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả, nói đi đôi với làm để kết quả năm sau cao hơn năm trước, nhiệm kỳ sau nỗ lực phấn đấu tốt hơn nhiệm kỳ trước.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh: Tập thể Chính phủ, từng thành viên Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương sẽ nghiêm túc tiếp thu, quán triệt đầy đủ, sâu sắc ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, cụ thể hóa vào các chương trình, kế hoạch hành động và tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả; đồng thời, tiếp tục lan tỏa tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm, truyền cảm hứng, nhân lên sức mạnh để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trên dưới một lòng, nỗ lực phấn đấu đưa đất nước sớm vượt qua đại dịch, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của đồng chí Tổng Bí thư và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; Chính phủ tiếp tục kế thừa và phát huy những thành tựu qua các thời kỳ, nhất là Chính phủ nhiệm kỳ khóa XIV, kiên quyết, kiên trì, với bản lĩnh vững vàng, không lùi bước trước mọi khó khăn, thách thức; “biến nguy thành cơ”, khai thác tối đa các cơ hội và tiềm năng, thế mạnh; kiên định mục tiêu, định hướng đề ra; tiếp tục đổi mới, sáng tạo; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; hành động quyết liệt với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Quyết tâm xây dựng Đảng và bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong sạch, vững mạnh toàn diện; đoàn kết, liêm chính, kỷ luật, kỷ cương; tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; vì Nhân dân, gần dân, trọng dân theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, đảng viên; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

Quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội đã đề ra

Như đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhận định, Chính phủ nhiệm kỳ khóa XV nhận nhiệm vụ trong bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước có những thuận lợi, thời cơ, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kép một cách linh hoạt, hiệu quả, trước mắt, Chính phủ xác định phòng, chống dịch COVID-19 là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách nhất hiện nay; đặt sức khỏe, tính mạng của Nhân dân lên trên hết, trước hết. Cùng với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ tích cực của Nhân dân và sự hỗ trợ, giúp đỡ quý báu của bạn bè quốc tế; Chính phủ cùng các cấp, các ngành, các địa phương quyết tâm ngăn chặn, đẩy lùi dịch bệnh, sớm đưa cuộc sống về trạng thái bình thường mới.

“Nhân Hội nghị quan trọng này, Đảng, Nhà nước thể hiện sự quan tâm, thấu hiểu và chia sẻ những khó khăn, vất vả, đồng thời trân trọng cảm ơn đồng bào, chiến sĩ cả nước, cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân đã đồng hành, hỗ trợ có hiệu quả cùng với Đảng, Nhà nước trong cuộc chiến chống đại dịch COVID-19 thời gian qua”, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phát biểu.

Trong nhiệm kỳ 5 năm tới, Chính phủ sẽ lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp; trong đó tập trung thực hiện tốt 6 nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá chiến lược, 12 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, xử lý dứt điểm những điểm nghẽn, những hạn chế, yếu kém để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của đất nước ta. Kiên quyết không hy sinh tiến bộ, công bằng xã hội để đổi lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Gắn kết hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa phát triển kinh tế với văn hóa; trong kinh tế có văn hóa, trong văn hóa có kinh tế; xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để thực sự là động lực, là đột phá để phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Chú trọng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Đẩy mạnh phân cấp phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên. Tập trung chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa, xa rời mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm, quan liêu, xa dân. củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; tăng cường đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng nâng cao vai trò, vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Chính phủ mong tiếp tục nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, mà thường xuyên, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; sự giám sát của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự cố gắng, nỗ lực vươn lên của cộng đồng doanh nghiệp và sự ủng hộ tích cực của các tầng lớp Nhân dân.

“Thực tế đã chứng minh, đất nước ta bằng sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, bằng bản lĩnh, trí tuệ, nghị lực và khát vọng vươn lên, đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách trong lịch sử dựng nước và giữ nước của chúng ta. Tiếp tục con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và Nhân dân ta đã lựa chọn; kế thừa những thành tựu to lớn, những kinh nghiệm quý báu; phát huy truyền thống vẻ vang của Chính phủ qua các thời kỳ, tôi yêu cầu từng thành viên Chính phủ, từng cán bộ, công chức, viên chức ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị hãy đoàn kết, chung sức, đồng lòng; nỗ lực phấn đấu bằng những hành động cụ thể, thiết thực, hiệu quả, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội đã đề ra”, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phát biểu.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: TÁI CƠ CẤU CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030

Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1066/TTg-KGVX ngày 05/8/2021 gửi Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ theo chức năng, thẩm quyền tập trung thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan và địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 có một số lĩnh vực được xác định ưu tiên nghiên cứu, trong đó có những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến cải cách hành chính nhà nước như: Nghiên cứu công nghệ 4.0, công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính phủ số và đô thị thông minh; Chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế trong bối cảnh mới, hoàn thiện thể chế tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; khoa học lý luận chính trị, lý luận, thực tiễn về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các Bộ, ngành và đơn vị liên quan bám sát Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và quan điểm chỉ đạo về lấy doanh nghiệp làm trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học là các chủ thể nghiên cứu mạnh; chú trọng thu hút nguồn lực xã hội; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên tinh thần chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế; bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng.

Tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia góp phần phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong trung hạn và dài hạn, phát triển các hướng nghiên cứu cơ

bản, các hướng công nghệ ưu tiên, các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của đất nước, phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia, gắn kết với lộ trình công nghệ của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với nội dung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030, Phương hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ 5 năm 2021 - 2025.

Các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đảm bảo không trùng lặp về nội dung nghiên cứu và phân bổ nguồn lực, có sự kết nối, liên thông giữa các chương trình; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, trong phạm vi cả nước, giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên vùng.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: ĐỀ XUẤT 8 NHÓM GIẢI PHÁP NHẪM GIẢI QUYẾT KHÓ KHĂN CHO DOANH NGHIỆP

Bộ Kế hoạch và đầu tư đề xuất 8 nhóm giải pháp trong ngắn hạn và dài hạn nhằm tránh làm đứt gãy chuỗi ứng, hạn chế xảy ra phá sản doanh nghiệp và bị thu tóm.

Tại Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp năm 2021 sáng ngày 08/8, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng cho rằng đây là thời điểm hết sức khó khăn khi những mảng màu xám loang rất nhanh trong bức tranh doanh nghiệp, đặc biệt kể từ tháng 7/2021 khi dịch COVID-19 diễn biến phức tạp và lan rộng. "Các doanh nghiệp vốn đã bị tổn thương lại càng trở nên khó khăn hơn bao giờ hết. Các nguồn lực dũ trữ đang cạn dần trong khi thị trường chưa có dấu hiệu phục hồi hoặc đang phục hồi rất chậm", Bộ trưởng nhấn mạnh.

8 nhóm vấn đề khó khăn doanh nghiệp đang phải đối diện

Qua tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng cho biết, có 8 nhóm vấn đề khó khăn đang khiến sức chống chịu hiện nay của doanh nghiệp bị bào mòn.

Thứ nhất, tổng cầu giảm mạnh khiến cho các đơn hàng, hợp đồng, sản lượng đều sụt giảm. Trung bình nhu cầu trong các ngành giảm từ 40 - 50%, nặng nề nhất là ngành hàng không, vận chuyển hành khách, du lịch, nhà hàng, khách sạn nhu cầu bị giảm đến 70 - 80%.

"Tình trạng ùn ứ, tắc nghẽn hàng hóa tại một số cảng biển quan trọng như Cát Lái, Cái Mép - Thị Vải thời gian qua đã phản ánh bản chất không hẳn do tắc nghẽn bởi hạ tầng, hay do điều hành lưu thông hàng hoá, mà bản chất là do tình trạng đình trệ sản xuất bởi dịch bệnh", Bộ trưởng nêu rõ.

Thứ hai, doanh thu giảm mạnh trên diện rộng. Trong đó, doanh thu ngành hàng không sụt giảm trung bình 61% so với 2019, đợt dịch cao điểm đầu năm 2021 giảm 80% so với cùng kỳ năm 2020. Điều này dòng tiền bị thiếu hụt nghiêm trọng, làm cho các doanh nghiệp rất khó khăn để có thể trang trải các khoản chi phí nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh cũng

như khó xoay sở trả lãi vay ngân hàng đúng hạn, dẫn đến tình trạng nợ xấu, nợ quá hạn, khó có thể tiếp cận các khoản vay mới.

Thứ ba, chi phí đầu vào, chi phí vận chuyển ngày một tăng cao dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguyên, vật liệu đầu vào, làm đội chi phí giá thành sản xuất. Tình trạng thiếu nghiêm trọng container rỗng, giá thuê container tăng 5 - 10 lần, chi phí vận chuyển logistics tăng từ 2 - 4 lần, có thời điểm lên đến 5 lần so với trước khi có dịch.

Thứ tư, chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu bị gián đoạn, đình trệ cục bộ. Nhiều doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu bị ảnh hưởng phải trì hoãn hoặc hủy đơn hàng, nếu đợt dịch bùng phát kéo dài có thể bị mất thị trường do bạn hàng thay đổi chuỗi cung ứng.

Thứ năm, lưu thông hàng hóa gặp khó khăn, kể cả lưu thông trong nước, giữa một số tỉnh, thành phố do áp dụng các chính sách phòng, chống dịch bệnh chưa thống nhất và hợp lý. Hậu quả là các doanh nghiệp bị chậm tiến độ giao hàng/nhập hàng, chi phí lưu kho, lưu bãi, cước vận chuyển tăng, sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ.

Thứ sáu, khó khăn về lao động. Để cầm cự trước dịch bệnh nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô, cắt giảm lao động. Điều này sẽ gây khó khăn rất lớn cho doanh nghiệp tìm kiếm nguồn lao động trở lại làm việc khi phục hồi sản xuất sau dịch bệnh, đặc biệt là đối với các ngành nghề yêu cầu lao động có tay nghề, chuyên môn nhất định như cơ khí, điện tử...

Thứ bảy, khó khăn về chuyên gia. Các doanh nghiệp, chủ yếu là doanh nghiệp FDI còn gặp khó khăn với vấn đề nhập cảnh, đặc biệt đối với những tập đoàn lớn vào Việt Nam nghiên cứu, quyết định dự án quy mô lớn và cấp mới/điều chỉnh giấy phép lao động cho chuyên gia nước ngoài.

Thứ tám, khó khăn về tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Các doanh nghiệp còn cho biết việc triển khai của một số chính sách còn khá chặt chẽ, cứng nhắc, thiếu thống nhất ở một số địa phương, gây khó khăn cho đối tượng hỗ trợ, chưa bao quát hết các tình huống phát sinh trong thực tế, công tác thực thi có lúc, có nơi còn chưa chủ động, linh hoạt.

"Điểm đáng lưu ý trong các kiến nghị các doanh nghiệp đều nhấn mạnh đến vấn đề đơn giản hóa các thủ tục, đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, nhất quán trong thực thi triển khai các quy định, chính sách phòng, chống dịch trên toàn quốc; tính công minh và thái độ phục vụ sát cánh cùng doanh nghiệp của đội ngũ cán bộ cấp thực thi. Đây là điều doanh nghiệp mong mỏi nhất từ phía các cơ quan chính quyền hơn là các hỗ trợ bằng tiền", Bộ trưởng Dũng nhấn mạnh.

Các số liệu đã chứng minh sức chống chịu của khu vực doanh nghiệp tiếp tục suy giảm. Số doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 7 giảm 34% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2020; đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 (trung bình là 8,1%).

Trong khi đó, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng 25,5% so với cùng kỳ năm 2020, riêng TP. Hồ Chí Minh chiếm 29,1% tổng số doanh nghiệp rút lui của các nước; và đã xuất hiện nhiều hơn những doanh nghiệp quy mô vừa và lớn rút lui khỏi thị trường.

Đề xuất 8 nhóm giải pháp trong ngắn hạn và dài hạn.

Với tinh thần "chống dịch như chống giặc" và hành động "sớm nhất, hiệu quả nhất" nhằm tránh làm đứt gãy chuỗi ứng, hạn chế xảy ra phá sản doanh nghiệp và bị thâm tóm, Bộ Kế hoạch và đầu tư đề xuất 8 nhóm giải pháp trong ngắn hạn và dài hạn.

Theo đó, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chỉ ra nhóm các chính sách, giải pháp cấp thiết cần triển khai ngay gồm: Một là, thực hiện các biện pháp, phòng chống dịch COVID-19 linh hoạt, hiệu quả, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Hai là, đảm bảo lưu thông hàng hoá thông suốt, hiệu quả, khắc phục chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị bị gián đoạn. Nghiên cứu hướng dẫn thống nhất các quy tắc phân loại chống dịch COVID-19 chung trên cả nước, tránh tình trạng địa phương hoá quá mức, gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp. Ba là, hỗ trợ cắt giảm chi phí, tháo gỡ khó khăn về dòng tiền cho doanh nghiệp với các giải pháp mạnh mẽ hơn để hỗ trợ khoanh nợ, tái cấu trúc nợ, gia hạn các khoản nợ cũ; giảm lãi suất cho các khoản vay cũ và mới; khẩn trương triển khai các chính sách hỗ trợ về giãn, giảm thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp... Bốn là, tháo gỡ khó khăn về lao động, chuyên gia.

Đối với nhóm chính sách dài hạn, tạo nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đề xuất 4 nhóm giải pháp chủ yếu:

Thứ nhất, xây dựng chính sách phát triển doanh nghiệp có tính chiến lược, khai thác lợi thế ngành, lĩnh vực để đón bắt cơ hội nhằm phục hồi nền kinh tế; cần có chính sách để phát triển các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn, đóng vai trò dẫn dắt; phát triển công nghiệp ngành y tế như đã nêu ở trên...

Thứ hai, nâng cao hiệu quả triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa; rà soát, tháo gỡ vướng mắc pháp lý; đơn giản hóa tối đa các quy trình, thủ tục hành chính hiện tại, xem xét áp dụng các quy trình xuất, nhập khẩu ưu tiên.

Thứ ba, thúc đẩy hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số; các nền tảng thương mại điện tử; các ứng dụng công nghệ giao dịch thanh toán điện tử, hậu cần giao nhận...

Thứ tư, nâng cao hiệu quả hoạt động và khai thác dư địa của khu vực doanh nghiệp nhà nước; nghiên cứu, xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách theo hướng đổi mới quản lý của chủ sở hữu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được hoạt động bình đẳng, chủ động và cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.

"Về phía cộng đồng doanh nghiệp cũng cần tiếp tục nêu cao tinh thần dân tộc, phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức; chủ động đổi mới mô hình sản xuất kinh doanh, tái cấu trúc doanh nghiệp; chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực quản trị, chất lượng nguồn nhân lực; ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ để biến thách thức thành cơ hội; tạo chuẩn giá trị mới, quan tâm hơn đến phục vụ người dân và nhu cầu trong nước; mở rộng thị trường, tiến tới tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu", Bộ trưởng đề xuất.

Nguồn: ttxvn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

* Văn phòng Chính phủ: Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ đã đề xuất bổ sung quy định số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đó, ngoài việc thực hiện các quy định trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại các Điều 17, 18, 19 và 20 của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, dự thảo đề xuất cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thêm một số nhiệm vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính như sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Kiểm tra danh tính số của cá nhân, tổ chức thông qua mã định danh của tổ chức, cá nhân. Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa có danh tính số, hướng dẫn thực hiện hoặc cấp tài khoản cho cá nhân, tổ chức trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính, danh tính số được xác định theo danh tính của tổ chức, cá nhân ủy quyền.

Thực hiện kiểm tra dữ liệu điện tử của các thành phần hồ sơ thủ tục hành chính. Trường hợp thông tin, dữ liệu, hồ sơ, giấy tờ điện tử đã được kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin khác với Hệ thống thông tin một cửa điện tử thì tổ chức, cá nhân không phải khai lại thông tin hoặc nộp lại hồ sơ, giấy tờ, tài liệu; cán bộ một cửa kiểm tra và chuyển vào hồ sơ thủ tục hành chính điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Thực hiện phân loại để số hóa đối với thành phần hồ sơ chưa có dữ liệu điện tử theo hai loại: Thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc các loại hồ sơ, giấy tờ phải số hóa theo quy định của pháp luật chuyên ngành và thành phần hồ sơ được số hóa theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân. Trường hợp số hóa theo nhu cầu, tổ chức, cá nhân, phải trả chi phí số hóa bằng mức chi theo quy định pháp luật cho việc tạo lập, chuyển đổi thông tin điện tử, số hóa thông tin trên môi trường mạng phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Thực hiện sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác của các nội dung theo bản giấy. Ký vào giấy tờ theo quy định trước khi chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Giải quyết thủ tục hành chính: Kiểm tra thông tin trên tài liệu điện tử mà bộ phận một cửa chuyển đến và chuyển sang dữ liệu điện tử để lưu vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đối với loại giấy tờ phải số hóa thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Dữ liệu điện tử của giấy tờ phải có tối thiểu các trường thông tin: Mã loại giấy tờ; danh tính số tổ chức, cá nhân, trường hợp cá nhân không có căn cước công dân thì phải bổ sung họ tên, năm sinh, ngày cấp, cơ quan cấp; tên giấy tờ; trích yếu nội dung chính của giấy tờ; thời

hạn có hiệu lực; phạm vi có hiệu lực. Các thông tin, dữ liệu khác được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp phải thẩm tra, xác minh, lấy ý kiến các cơ quan liên quan trong quá trình xử lý hồ sơ, kết quả thẩm tra, xác minh và kết quả trả lời của cơ quan liên quan phải được số hóa theo dữ liệu điện tử để lưu vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi trình cấp có thẩm quyền ký duyệt phải trình cả bản giấy và bản điện tử để thực hiện ký số, phát hành theo quy định, trừ trường hợp thủ tục hành chính chỉ quy định cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thành công, các hồ sơ, giấy tờ được số hóa trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có giá trị và được sử dụng trong thực hiện các thủ tục hành chính khác của cá nhân, tổ chức.

3. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử được gắn mã số giấy tờ và lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc Kho dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính của Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh. Mã số giấy tờ gồm hai thành phần là mã định danh của cá nhân, tổ chức và mã loại giấy tờ, trong đó mã loại giấy tờ đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thống nhất sử dụng theo mã loại kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử được trả cho tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản giấy được trả theo quy định tại Điều 20 Nghị định này, trừ trường hợp thủ tục hành chính chỉ quy định cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

4. Lưu trữ điện tử: Thời hạn lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử được thực hiện theo thời hạn lưu trữ hồ sơ giấy của pháp luật về lưu trữ và pháp luật chuyên ngành.

Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được lưu trữ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

*** Bộ Thông tin và Truyền thông: Tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp viễn thông**

Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.

Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, trong quá trình thực hiện Nghị định số 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông đã nảy sinh một số vướng mắc, bất cập như vấn đề về quản lý cạnh tranh trong kinh doanh dịch vụ viễn thông, cấp phép viễn thông, quản lý giá cước, khuyến mại dịch vụ viễn thông, quản lý tài nguyên kho số viễn thông. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 25/2011/NĐ-CP nhằm bảo đảm duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, cải cách hành chính theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ.

Về vấn đề cấp phép viễn thông, nhằm tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong các thủ tục về cấp phép viễn thông và tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, dự thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định về cấp phép viễn thông như sau:

Bỏ việc phân loại mạng viễn thông cố định mặt đất theo tiêu chí sử dụng băng tần và số thuê bao, chỉ quy định điều kiện về mức vốn pháp định và mức cam kết đầu tư khi thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất theo phạm vi thiết lập mạng (1 tỉnh, khu vực và toàn quốc) để phù hợp với thực tiễn, xu thế phát triển công nghệ và đơn giản hoá điều kiện cấp phép.

Bổ sung hướng dẫn điểm b Khoản 5 Điều 24 Luật Viễn thông chỉ yêu cầu giấy phép mạng dùng riêng đối với các mạng dùng riêng mà các thành viên mạng là các tổ chức, cá nhân độc lập, không thuộc cùng một cơ quan, tổ chức. Việc này phù hợp với yêu cầu quản lý chặt loại hình mạng dùng riêng này để tránh lợi dụng, biến tướng thành mạng viễn thông công cộng.

Về quản lý cạnh tranh trong kinh doanh dịch vụ viễn thông, dự thảo bổ sung quy định danh mục các thị trường dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh theo quy định tại Khoản 4 Điều 19 Luật Viễn thông. Đối với thị trường dịch vụ bán lẻ, đề xuất quy định 2 thị trường: Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định và dịch vụ thông tin di động mặt đất. Đây là 2 dịch vụ phục vụ trực tiếp nhu cầu thông tin liên lạc của xã hội, chỉ đạo điều hành của Nhà nước và có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội, cần phải quản lý, thúc đẩy cạnh tranh, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp để phát triển.

Về quản lý giá cước dịch vụ viễn thông, bổ sung các quy định quản lý giá dịch vụ bán buôn để thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường, phù hợp với thông lệ quản lý quốc tế và pháp luật về giá. Tiếp tục quản lý giá bán lẻ dịch vụ viễn thông nhưng chuyển sang hình thức kê khai giá, quản lý hậu kiểm phù hợp với quy định pháp luật về giá.

Đối với quản lý thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông, bổ sung quy định cho phép sử dụng tài khoản SIM thuê bao di động để chi trả cho dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động (là dịch vụ kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP). Đây là loại hình dịch vụ có đặc tính là việc sử dụng dịch vụ này gắn liền với việc tiêu dùng dịch vụ viễn thông di động và sử dụng hạ tầng mạng viễn thông di động của doanh nghiệp viễn thông. Việc sử dụng tài khoản SIM thuê bao di động để chi trả cho các dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động đã được các doanh nghiệp triển khai thời gian qua và phù hợp với thông lệ quốc tế.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Giảm 50% phí giao dịch thanh toán điện tử liên ngân hàng đến 30/6/2022**

Đây là đề xuất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05/12/2013 ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Dự thảo đang được lấy ý kiến góp ý của Nhân dân.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho biết, thời gian qua, để góp phần tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành các văn bản để thực hiện điều chỉnh giảm 50% mức phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (áp dụng đến hết ngày 30/6/2021) đồng thời chỉ đạo các tổ chức

tín dụng thực hiện giảm phí để hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Hiện nay, tình hình dịch COVID-19 vẫn đang diễn biến phức tạp. Do đó, để tiếp tục chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người dân gặp khó khăn và góp phần triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021, đầu năm 2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (dự thảo Thông tư) giảm 50% phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, dự kiến đến hết ngày 30/6/2022.

Cụ thể, dự thảo Thông tư bổ sung Điều 1a tại Thông tư số 26/2013/TT-NHNN như sau: Giảm 50% mức phí thanh toán tại điểm 1.1, 1.2 Mục 1 “Phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng” tại Phần III “Phí dịch vụ thanh toán trong nước” Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư này trong khoảng thời gian từ 8/2021 đến hết ngày 30/06/2022.

*** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Nguyên tắc xếp lương theo chức danh nghề nghiệp chuyên viên ngành Thể dục thể thao**

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao.

Trong đó, dự thảo quy định rõ nguyên tắc xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao. Cụ thể, việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định của pháp luật.

Khi xếp lương từ chức danh nghề nghiệp hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng quy định thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề để dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao. Theo đó, viên chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ huấn luyện viên chính (hạng II) lên huấn luyện viên cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên chính (hạng II) và tương đương từ đủ 6 năm trở lên.

Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên chính (hạng II) thì thời gian giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên chính tối thiểu 1 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng

Viên chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ huấn luyện viên (hạng III) lên huấn luyện viên chính (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên và tương đương từ đủ 9 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên thì thời gian giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên tối thiểu 1 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Viên chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hướng dẫn viên (hạng IV) lên huấn luyện viên (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên và tương đương tối thiểu là 2 năm đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ cao đẳng trở lên; 3 năm đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 1 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên tính đến ngày hết hạn thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

*** Bộ Tài nguyên và Môi trường: Đơn giản hóa 85% thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường**

Bộ Tài nguyên và Môi trường vừa trình Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và trình Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý.

Theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát, đánh giá kỹ lưỡng tất cả 178 thủ tục hành chính hiện nay và đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa 153/178 thủ tục hành chính (chiếm 85% số lượng thủ tục hành chính của lĩnh vực tài nguyên và môi trường). Theo tính toán, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã giúp tiết kiệm được 131.622.701.000 đồng.

Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện việc thống kê, cập nhật đầy đủ và công khai dữ liệu các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý, kèm theo tính toán chi tiết chi phí tuân thủ các quy định này trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. Đồng thời, Bộ đang tích cực rà soát, xây dựng kế hoạch giảm tối đa số lượng văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Cơ sở dữ liệu này sẽ tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp khi tra cứu thông tin, thủ tục hành chính, chi phí thủ tục... liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh thuộc sự quản lý của Bộ. Từ đó, doanh nghiệp sẽ chủ động, tiết kiệm thời gian, chi phí khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường Phan Tuấn Hùng cho biết, đây là đợt cải cách lớn nhất, mang tính hệ thống, phạm vi ảnh hưởng rộng và toàn diện nhất từ trước đến nay. Những cải cách này sẽ tạo ra một môi trường kinh doanh rõ ràng, minh bạch, chi phí tuân thủ thấp, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo đà tăng trưởng kinh tế Việt Nam sau đại dịch COVID-19.

Ngay trong 6 tháng đầu năm 2021, Bộ đã đẩy mạnh công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị cụ thể của các doanh nghiệp, địa phương. Trong đó, riêng Quý I, Bộ nhận được 784 lượt đơn thư (tương ứng với 388 vụ việc), trong đó gồm: 745 đơn thuộc lĩnh vực đất đai, 16 đơn thuộc lĩnh vực môi trường và 13 đơn thuộc lĩnh vực khoáng sản. Hầu hết các phản ánh đã được Bộ xử lý theo đúng quy định.

Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã gấp rút triển khai kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật cần ban hành, tạo hành lang pháp lý, tháo

gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp kinh doanh các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành. Trong đó, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 11/2021/NĐ-CP quy định cụ thể về việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, với thủ tục hành chính được nghiên cứu, ban hành phù hợp thực tiễn như: Giao khu vực biển; công nhận khu vực biển; trả lại khu vực biển; gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển...

Theo đánh giá của các chuyên gia, quy định mới giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng đã tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc thực tế mà các cá nhân, doanh nghiệp đang gặp phải. Tạo điều kiện thuận lợi, phát huy giá trị trong hoạt động khai thác tài nguyên biển.

Theo kế hoạch, những tháng cuối năm 2021, Bộ tập trung tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 4; tiếp tục tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng dịch vụ công quốc gia; tăng các dịch vụ hành chính công phát sinh hồ sơ trực tuyến; hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng; tăng tỷ lệ người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành của Bộ.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: CÔNG BỐ 50 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ký ban hành Quyết định số 3801/QĐ-UBND, công bố danh mục 50 thủ tục hành chính lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội, trong đó: 01 thủ tục hành chính liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết cấp trung ương; 37 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 10 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện; 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Trong đó, thủ tục hành chính giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thời hạn giải quyết là 39 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thời hạn giải quyết là 6 ngày làm việc.

Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, thời hạn giải quyết là 2 ngày làm việc; phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, thời hạn giải quyết là 6 ngày làm việc...

Nguồn: hanoimoi.com.vn

HẢI PHÒNG: BAN HÀNH KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH NĂM 2021 - 2022

Để khắc phục và tạo nhiều chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh và xếp hạng của Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng đã ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số PCI năm 2021 - 2022 của TP. Hải Phòng.

Kế hoạch ban hành với mục đích nhằm giữ vững vị trí xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh của TP. Hải Phòng trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước và trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành kinh tế tốt; điểm số Chỉ số năng lực cạnh tranh đạt từ 70 điểm trở lên. Tập trung cải thiện mạnh vào 3 chỉ số thành phần có trọng số lớn trong Chỉ số năng lực cạnh tranh nhưng bị giảm điểm trong năm 2020 bao gồm: Chỉ số tính minh bạch (20%), Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (20%), Chỉ số đào tạo lao động (20%).

Mục tiêu phấn đấu 10 chỉ số thành phần trong năm 2021 đạt mức như sau: Chỉ số chi phí gia nhập thị trường đạt từ 7,5 điểm trở lên, xếp thứ hạng từ vị trí 35 trở lên. Chỉ số tiếp cận đất đai đạt từ 7 điểm trở lên, xếp thứ hạng từ vị trí 40 trở lên. Chỉ số tính minh bạch đạt từ 6,5 điểm trở lên, xếp thứ hạng từ vị trí 26 trở lên. Chỉ số chi phí thời gian đạt từ 7,5 điểm trở lên, xếp thứ hạng từ vị trí 40 trở lên. Chỉ số chi phí không chính thức đạt từ 7 điểm trở lên, xếp thứ hạng từ vị trí 30 trở lên. Chỉ số cạnh tranh bình đẳng đạt từ 6,9 điểm trở lên, xếp thứ hạng từ vị trí 9 trở lên. Chỉ số tính năng động đạt từ 7 điểm trở lên, xếp thứ hạng từ vị trí 14 trở lên. Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp đạt từ 7 điểm trở lên, xếp thứ hạng từ vị trí 14 trở lên. Chỉ số đào tạo lao động đạt từ 8,3 điểm trở lên, xếp vị trí thứ 1. Chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự đạt từ 7,3 điểm trở lên, xếp thứ hạng từ vị trí 13 trở lên.

Cải thiện điểm số đối với 3 chỉ tiêu trong chỉ số chi phí thời gian: Cán bộ công chức thân thiện, doanh nghiệp không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục, thủ tục giấy tờ đơn giản, năm 2021 tăng vị trí xếp hạng lên từ 5 - 10 bậc. Hỗ trợ người dân và doanh nghiệp nộp được hồ sơ hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên khi thực hiện thủ tục hành chính.

Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng yêu cầu: Chính quyền minh bạch, cán bộ công chức tận tâm, trách nhiệm với khát vọng đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm theo tinh thần “đổi mới - sáng tạo - minh bạch - công tâm - đồng hành cùng doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ, công chức phải thay đổi về thái độ, trách nhiệm, tác phong thực hiện công vụ; giao tiếp với người dân và doanh nghiệp trên tinh thần “hỗ trợ - lắng nghe - thấu hiểu - thân thiện - nhiệt tình”.

Quyết liệt đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục giấy tờ, sử dụng dịch vụ bưu chính công ích; ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong giải quyết công việc. Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và thanh toán không dùng tiền mặt; khẩn trương thực hiện tích hợp thêm nhiều dịch vụ công trực tuyến lên cổng dịch vụ công quốc gia. Thực hiện nhiều mô hình hỗ trợ người dân và doanh nghiệp đi vào thực chất và hiệu quả, tránh thực hiện hình thức và chạy theo thành tích.

Kế hoạch đưa ra 10 nhóm nhiệm vụ và giải pháp để các sở, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện liên quan đến các Chỉ số đó là: Chỉ số gia nhập thị trường; chỉ số tiếp cận đất đai; Chỉ số tính minh bạch; Chỉ số chi phí thời gian; Chỉ số chi phí không chính thức; Chỉ số cạnh tranh bình đẳng; Chỉ số tính năng động; Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; Chỉ số đào tạo lao động; Chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổ chức giám sát việc thực hiện kế hoạch này tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, đơn vị. Hàng năm, tổ chức đi tìm hiểu, học tập kinh nghiệm tại một số địa phương xếp thứ hạng cao về Chỉ số năng lực cạnh tranh để đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh chung của thành phố. Sở Nội vụ đề xuất khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong tham mưu thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh của TP. Hải Phòng năm 2020 và các năm tiếp theo...

Nguồn: baodaydung.com.vn

ĐÀ NẴNG: ĐẠT MỤC TIÊU 100% DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4

Chuyển đổi số là cơ hội đột phá trong phát triển, hướng đến TP. Đà Nẵng là đô thị sinh thái, hiện đại, thông minh và đáng sống.

Ban Chấp hành Đảng bộ TP. Đà Nẵng đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với quan điểm chuyển đổi số là động lực trong phát triển, nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp.

Nền tảng từ hạ tầng công nghệ thông tin

Năm 2019, Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành nghị quyết về phát triển hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông tiếp cận xu hướng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng đã ban hành đề án Xây dựng chính quyền điện tử, đề án Xây dựng thành phố thông minh...

Từ chủ trương trên, TP. Đà Nẵng đã triển khai và bước đầu đạt một số kết quả: Cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin được đầu tư đồng bộ, hình thành các cơ sở dữ liệu nền và chuyên ngành phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ chính quyền điện tử.

Dịch vụ công trực tuyến ở TP. Đà Nẵng có hơn 97% thủ tục trực tuyến (trong đó 66% ở mức 4). Hạ tầng truyền thông được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng xu hướng truyền thông hội tụ. Ngành công nghiệp công nghệ thông tin có tốc độ tăng trưởng cao (bình quân 20%/năm), dần khẳng định là một trong những ngành kinh tế quan trọng của thành phố (đóng góp 7,5% GRDP).

Tuy nhiên, việc thực hiện CDS vẫn còn một số hạn chế như: Tài nguyên dữ liệu số chưa khai thác hiệu quả, nhất là phân tích thông minh phục vụ chỉ đạo, điều hành. Các dịch vụ đô thị thông minh chưa nhiều, mức độ lan tỏa chưa cao. Công nghiệp công nghệ thông tin chủ yếu lắp ráp. Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp còn bị động, thương mại điện tử ở mức thấp, thiếu yếu tố dẫn dắt.

Nghị quyết số 05-NQ/TU chỉ ra nguyên nhân của các hạn chế trên là do một số cấp ủy Đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị chưa thật sự quan tâm đến chuyển đổi số. Hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội chưa đồng bộ, chưa kết nối với khối chính quyền. Các doanh nghiệp trên địa bàn đầu tư vào công nghệ thông tin chưa tương xứng với yêu cầu phát triển.

Nghị quyết số 05-NQ/TU cũng nêu rõ bốn nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới là tạo nền tảng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số và phát triển xã hội số.

Trong bốn nhóm nhiệm vụ này có những tiêu chí rất cụ thể phải đạt được như: Hoàn thiện ứng dụng Danang Smart City thành nền tảng di động cung cấp đa dịch vụ, tiện ích cho người dân, du khách. Hình thành Trung tâm giám sát điều hành thành phố thông minh; xây dựng,

triển khai có hiệu quả đề án Phát triển y tế thông minh tại TP. Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...

Cơ hội giải quyết các điểm nghẽn

Nghị quyết số 05-NQ/TU nêu rõ mục tiêu đến năm 2025, TP. Đà Nẵng thuộc nhóm ba địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số, dẫn đầu về an toàn thông tin, thương mại điện tử của cả nước.

Các tiêu chí phải đạt được như 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 4. 100% cơ quan nhà nước tham gia cung cấp dữ liệu mở. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thành phố được ban hành công khai và liên thông. Kinh tế số chiếm tối thiểu 20% GRDP thành phố. Mỗi hộ gia đình đều có địa chỉ số, tiếp cận được dịch vụ Internet băng rộng. 100% người dân trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh...

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng Lê Quang Nam, thành phố xác định chuyển đổi số là chìa khóa chính để chủ động tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chuyển đổi số cũng là bước chuyển mang tính bắt buộc nhằm chuyển đổi căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo của các cấp ủy và tổ chức Đảng, điều hành của chính quyền, hoạt động của doanh nghiệp và người dân.

“Chuyển đổi số là cơ hội giải quyết các điểm nghẽn cũng như đột phá trong phát triển, hướng đến Đà Nẵng là đô thị sinh thái, hiện đại, thông minh, đáng sống như Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố đã đề ra” - ông Nam cho hay.

Theo ông Nam, TP. Đà Nẵng đã tích cực triển khai chính quyền điện tử, thành phố thông minh. TP đã chủ động, kịp thời triển khai chuyển đổi số qua việc ban hành và triển khai các nghị quyết, chương trình của Ban Thường vụ Thành ủy nhằm tập trung đầu tư phát triển, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông phù hợp xu hướng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ông Nam cho hay TP. Đà Nẵng có nhiều sản phẩm sử dụng công nghệ số, dữ liệu số được xây dựng và đưa vào sử dụng tại thành phố và nhiều tỉnh, thành trong nước. Nhiều sản phẩm chuyển đổi số được công nhận, đoạt giải của tổ chức trong nước và quốc tế.

Định hướng thời gian tới, ông Nam cho hay Đà Nẵng đã và đang tiến hành những bước bài bản. Đề án chuyển đổi số TP. Đà Nẵng mở rộng, bổ sung theo đặc thù phát triển của TP như có mô hình tiếp cận cho riêng thành phố, có thêm chuyển đổi số cho cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể với nhiều tiêu chí cụ thể.

Nguồn: plo.vn

CẦN THƠ: THỰC HIỆN 8 NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TP. Cần Thơ yêu cầu người đứng đầu các cấp, các ngành có sự tham gia, vào cuộc tích cực hơn nữa đối với công tác cải cách hành chính nhằm tạo sự chuyển biến đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực.

Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ vừa triển khai kế hoạch cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (Chỉ số SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (Chỉ số PAPI) trong năm 2021.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ yêu cầu người đứng đầu các cấp, các ngành có sự tham gia, vào cuộc tích cực hơn nữa đối với công tác cải cách hành chính nhằm tạo sự chuyển biến đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, nhất là trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các cơ quan chủ trì các nhiệm vụ, giải pháp, đánh giá đúng thực trạng kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến việc xác định chỉ số cải cách hành chính của ngành, địa phương; thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu cải thiện Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công.

Thành phố Cần Thơ cũng đề ra mục tiêu trong năm 2021, Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 86%, thuộc nhóm 15 tỉnh thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đạt từ 88%, thuộc nhóm 25 tỉnh thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công đạt từ 45 điểm, thuộc nhóm 20 tỉnh thành phố đứng đầu cả nước.

Để thực hiện được mục tiêu trên, TP. Cần Thơ đã đề ra 8 nhóm nhiệm vụ và giải pháp để cải thiện Chỉ số cải cách hành chính như: công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản vi phạm pháp luật tại thành phố, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa hành chính, tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

TP. Cần Thơ cũng đề ra 8 nhóm nhiệm vụ và giải pháp cải thiện Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và 8 nhóm nhiệm vụ và giải pháp để cải thiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công.

Nổi bật nhất là các nhóm nhiệm vụ, giải pháp về sự tham gia của người dân ở cơ sở, sự công khai minh bạch trong hoạch định chính sách, trách nhiệm giải trình với Nhân dân, kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương, cải cách thủ tục hành chính công, cung ứng dịch vụ công và quản trị môi trường...

Theo công bố của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ trong tháng 6/2021, Chỉ số cải cách hành chính của TP. Cần Thơ trong năm 2020 đạt 83,76%, xếp hạng 37/63 tỉnh, thành phố, tăng 2,51% nhưng giảm 8 bậc so với năm 2019.

Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đạt 84,14%, xếp vị trí 38/63, tăng 3,75% và tăng 13 bậc so với năm 2019.

Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công đạt 42,88/80 điểm, xếp thứ 29/63, giảm 2,82 điểm và giảm 21 bậc so với năm 2019.

Nguồn: ttxvn/vietnam+

HẢI DƯƠNG: NỖ LỰC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ VÀ ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Hải Dương sẽ đầu tư 3.800 tỷ đồng để thực hiện Đề án Xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh định hướng đến năm 2030.

Thời gian qua, công tác xây dựng chính quyền điện tử được tỉnh Hải Dương triển khai đồng bộ, nổi bật là bảo đảm tiến độ triển khai các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin để tiếp tục phát huy hiệu quả. Hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước từng bước được đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu công tác quản lý nhà nước của cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dùng chung cấp tỉnh hoạt động đã tạo tính kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Cụ thể, từ ngày 01/10/2020, 100% văn bản đi, đến, trao đổi giữa các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương đều được thực hiện qua hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Tỉnh Hải Dương đã thực hiện cấp khoảng 2.800 chữ ký số cho cán bộ, công chức và 16 PKI (Public Key Infrastructure - hạ tầng khóa công khai) cho lãnh đạo các sở, ngành, địa phương.

Hệ thống “một cửa điện tử” và Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh được đưa vào sử dụng thống nhất tại tất cả 18 sở, ban, ngành; 12 huyện, thành phố, thị xã; 235 xã, phường, thị trấn. Cung cấp 1.930 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4... Năm 2020, tỉnh Hải Dương xếp thứ 17/63 tỉnh, thành phố về Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (ICT Index), tăng 2 bậc so với năm 2019, tăng 9 bậc so với năm 2018.

“Mới đây, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương đã chấp thuận chủ trương đầu tư 3 dự án thành phần thuộc Đề án Xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đó là Dự án Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trung tâm dữ liệu của tỉnh cho chính quyền điện tử và đô thị thông minh; Xây dựng Trung tâm giám sát an ninh không gian mạng (SOC); Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương Triệu Thế Hùng cho biết.

Mục tiêu năm 2022, tỉnh Hải Dương sẽ nâng cấp, hoàn thiện Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh; hệ thống “một cửa điện tử” 3 cấp; hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu

dùng chung của tỉnh. Tất cả các huyện, thị xã, thành phố xây dựng trung tâm hành chính công và hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm phục vụ nhu cầu phát triển chính quyền điện tử và đô thị thông minh. Thí điểm xây dựng đô thị thông minh tại TP. Hải Dương và TP. Chí Linh.

Tại Hội nghị lấy ý kiến về một số nội dung liên quan Đề án Xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030, thực hiện Nghị quyết chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 diễn ra tháng 5/2021, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương Phạm Xuân Thăng đã khẳng định: “Trên cơ sở các nguồn lực hiện tại, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ ưu tiên đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu dùng chung làm nền tảng cho chuyển đổi số theo nguyên tắc dữ liệu tập trung, liên thông, thống nhất, hiện đại và an toàn thông tin. Xây dựng phần mềm quản lý số hóa; trung tâm điều hành, quản lý trung tâm dữ liệu dùng chung; trung tâm an ninh mạng”.

Đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng yêu cầu trong Quý II/2022, triển khai thực hiện 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện lên dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Trong Quý III, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống tổ chức hội nghị trực tuyến tới 100% địa phương trong tỉnh, tích hợp với các cơ quan quân đội và công an. Hoàn thiện hệ thống hội nghị không giấy tờ. Nâng cấp hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh. Khắc phục ngay một số hạn chế trong trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

Từ đó, thực hiện 2 mục tiêu cấp bách, đó là thông qua ứng dụng công nghệ thông tin để đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); thực hiện một số sản phẩm chuyển đổi số, mang lại hiệu quả thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: baodautu.vn

TUYÊN QUANG: KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Theo Quyết định số 641/QĐ-BNV ngày 25/5/2021 của Bộ Nội vụ về phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 628/QĐ-BNV ngày 21/5/2021 của Bộ Nội vụ về phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020, kết quả Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang đạt 83,81%, xếp thứ 33 trong nhóm 56 tỉnh, thành phố nhóm B và xếp thứ 35/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Năm 2020, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang tăng 0,99% so với năm 2019, tuy nhiên do các tỉnh, thành phố có chỉ số tăng cao nên tỉnh Tuyên Quang giảm từ vị

trí thứ 16 năm 2019 xuống vị trí thứ 35 năm 2020. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 82,25%, xếp thứ 49/63 tỉnh, thành phố, giảm 23 bậc so với năm 2019; trong đó, 05/05 chỉ số tỷ lệ hài lòng không đạt 100%. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trên được tinh chỉ ra là do các cơ quan, đơn vị chưa sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; chưa gắn với trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện; tính chuyên nghiệp trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của một bộ phận công chức, viên chức còn hạn chế; người dân, tổ chức còn e ngại trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích.

Nhằm mục đích tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong tỉnh khi triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, ngày 28/7/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Kế hoạch số 116/KH-UBND thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021 và các năm tiếp theo.

Kế hoạch được thực hiện đáp ứng yêu cầu đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các nội dung, tiêu chí đánh giá của Bộ Nội vụ; Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đặc biệt là các cơ quan theo dõi, phụ trách các lĩnh vực của công tác cải cách hành chính phải đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp.

Kế hoạch xác định các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, trong đó tập trung khắc phục các tiêu chí chấm điểm bị trừ điểm trong năm 2020 và khắc phục hạn chế trong điều tra xã hội học.

Đối với Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, tỉnh xác định các nhóm giải pháp với từng tiêu chí cụ thể: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định nhằm đáp ứng và phục vụ tốt nhất nhu cầu của người dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính; Thực hiện quy định thành phần hồ sơ thủ tục hành chính, mức phí, lệ phí theo đúng quy định; Chú trọng bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ công chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân; Nâng cao chất lượng giải quyết công việc nói chung và giải quyết thủ tục hành chính nói riêng của cơ quan hành chính nhà nước; kết quả giải quyết đảm bảo phù hợp với quy định, có thông tin đầy đủ, chính xác và đảm bảo tính công bằng; Tiếp tục thực hiện niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, phản ánh kiến nghị tại Bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị theo quy định, triển khai thực hiện các hình thức tiếp nhận góp ý, phản ánh kiến nghị phù hợp với từng cơ quan, đơn vị, dễ dàng thực hiện đối với người dân, tổ chức, kịp thời tiếp nhận, giải quyết các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người, tổ chức góp phần nâng cao chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức về tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh kiến nghị.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

THANH HÓA: GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, THÁO GỖ KHÓ KHĂN CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Sáng ngày 09/8, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Văn Thi đã chủ trì Hội nghị nghe dự thảo quy trình giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa khẳng định: Thời gian qua tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh qua đó kêu gọi được những nhà đầu tư, những dự án tốt nhất.

Tỉnh Thanh Hóa cùng các sở, ban, ngành đã đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính, song vẫn còn nhiều vấn đề cần phải đổi mới, hoàn thiện thêm. Phải mạnh dạn nhìn thẳng vào những tồn tại mới có thể tìm ra các giải pháp khắc phục. Thực tiễn yêu cầu không chỉ bộ máy hành chính, mà từng cán bộ cũng phải nỗ lực đổi mới quy trình và phương pháp làm việc. Trên thực tế, nhiều địa phương trong nước như các tỉnh, thành phố Quảng Ninh, Bắc Ninh, Bắc Giang, Long An, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng... đã đi đầu, đổi mới căn bản quy trình giải quyết thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, các dự án đầu tư.

Nhiều địa phương đã tranh thủ tốt thời cơ, vận hội, thu hút rất hiệu quả các nhà đầu tư cũng như các dự án, nhất là dự án sản xuất, kinh doanh, tạo động lực cho sự phát triển. Tỉnh Thanh Hóa cần phấn đấu vào top 10 cả nước về cải cách thủ tục hành chính, thu hút đầu tư phát triển, nên yêu cầu đổi mới hơn nữa để đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính và các khó khăn, vướng mắc cho các chủ đầu tư dự án là yêu cầu cấp thiết.

Tại Hội nghị, đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư đã trình bày 3 dự thảo quy trình giải quyết khó khăn, vướng mắc cho 3 nhóm dự án, gồm: Giải phóng mặt bằng các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; giải quyết khó khăn vướng mắc trong lĩnh vực đầu tư công do tỉnh quản lý và giải quyết khó khăn vướng mắc cho các dự án đầu tư trực tiếp trên địa bàn tỉnh. Đây là các quy trình giải quyết công việc được xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến của 17 sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan trong tỉnh.

Các đại biểu dự hội nghị đã thảo luận, phân tích từng điều kiện cụ thể của ngành mình, đóng góp nhiều ý kiến vào nội dung dự thảo theo hướng tối giản thời gian giải quyết thủ tục cho các dự án.

Đối với dự thảo “Quy trình giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh”, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa bổ sung thêm nội dung: Nếu dự án liên quan đến thẩm quyền của cả 3 sở (Tài chính, Tài nguyên và Môi trường và Xây dựng), thì giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện giải quyết thủ tục, tránh để chủ đầu tư phải đi từng sở giải quyết từng khâu vướng mắc như trước kia, làm tăng thời gian giải quyết thủ tục.

Về thời gian giải quyết thủ tục, các sở, ngành cần hoàn thiện trong 5 ngày làm việc, trường hợp cần sự phối hợp của các đơn vị liên quan phải hoàn thành trong 6 ngày làm việc... Trường hợp chưa đầy đủ cơ sở để giải quyết, đơn vị chủ trì phải có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh ngay để tháo gỡ khó khăn kịp thời cho dự án.

Về dự thảo “Quy trình giải quyết khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực đầu tư công do tỉnh quản lý”, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa yêu cầu bổ sung cả đối tượng dự án có nguồn vốn ODA. Đồng thời, yêu cầu các sở, ngành, đơn vị tham gia ý kiến phải đúng chức năng, nhiệm vụ, không để tình trạng xin ý kiến “lòng vòng” kéo dài thời gian, nếu phát hiện sẽ xử lý theo quy định.

Trường hợp hồ sơ thủ tục có nội dung liên quan đến nhiều sở, ngành, đơn vị, thì giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì giải quyết.

Về thời gian giải quyết, phải tách riêng trường hợp cần xin ý kiến các ngành khác hoặc không cần xin ý kiến để quy định thời gian giải quyết ngắn nhất.

Với dự thảo “Quy trình giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp trên địa bàn tỉnh”, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa yêu cầu bổ sung Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các huyện, thị xã, thành phố vào danh sách những đơn vị được chủ trì giải quyết thủ tục và vướng mắc cho các dự án.

Đồng chí cũng đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh hướng dẫn các doanh nghiệp, chủ đầu tư, khi đề xuất giải quyết các thủ tục và khó khăn, vướng mắc phải nghiên cứu kỹ để gửi đúng sở, ngành đủ điều kiện giải quyết. Trong trường hợp có nhiều khó khăn, vướng mắc, vấn đề lớn, thì gửi trực tiếp Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện lại dự thảo các quy trình giải quyết thủ tục và khó khăn vướng mắc cho các nhóm dự án nói trên; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến Sở Tư pháp thẩm định, sau đó báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua, ban hành.

Nguồn: baothanhhoa.vn

QUẢNG NGÃI: NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Một trong những tiêu chí bị Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ chấm điểm đạt thấp, làm ảnh hưởng chung đến Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của Quảng Ngãi đạt thấp trong những năm gần đây là tiêu chí về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi.

Vì thế, trong tháng 7 vừa qua, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành công văn về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Tiêu chí về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh theo Bộ tiêu chí cải cách hành chính của trung ương.

Dĩ nhiên, để cải cách hành chính đạt hiệu quả cao hơn, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh được nâng cao trong những năm đến, tỉnh Quảng Ngãi cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa, cùng với các giải pháp thật đồng bộ. Song, yếu tố con người cần phải được chú trọng, để tạo bước đột phá trong công tác này.

Trước hết, các cấp ủy cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo rà soát lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó chú ý tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện quản lý không được thấp hơn tiêu chuẩn theo quy định của trung ương, của tỉnh. Qua đó, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu công tác ngang tầm nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ cải cách hành chính.

Một vấn đề cũng khá quan trọng trong công tác cải cách hành chính làm ảnh hưởng trực tiếp đến cách nhìn, cách đánh giá của người dân, doanh nghiệp về những “công bộc của Nhân dân”, đó là tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức khi thực thi công vụ. Chính vì thế, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ cần được tiếp tục thực hiện và xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Hoạt động công vụ cần được đánh giá thực chất, gắn với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức hằng năm. Trong đó, cần đánh giá đúng và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, thiếu chuẩn mực trong giao tiếp, ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là các trường hợp chậm trễ, những nhiễu, gây phiền hà và có thái độ hách dịch, khi giải quyết các công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, gây dư luận xấu trong xã hội và Nhân dân.

Hơn ai hết, để làm tốt điều này thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị cần nghiêm túc và thực hiện có trách nhiệm. Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về việc cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị mình quản lý có hành vi gây “tắc trách”, có thái độ không đúng mực đối với doanh nghiệp và người dân. Theo kế hoạch, từ năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sẽ tổ chức đánh giá, công bố sớm kết quả cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để làm cơ sở đánh giá xếp loại người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Nếu làm tốt điều này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính.

Nguồn: baoquangngai.vn

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG GỢI MỞ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Trong bối cảnh hiện nay, việc xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước có ý nghĩa rất quan trọng. Bài viết giới thiệu, phân tích một số mô hình đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước ở một số quốc gia trên thế giới, từ đó nêu lên những gợi mở để từng bước hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá đối với cơ quan nhà nước ở Việt Nam.

1. Tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước ở một số quốc gia trên thế giới

Trên thế giới, các lý thuyết và mô hình về đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước trong những thập kỷ qua không ngừng được phát triển, hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn. Có thể nói, các mô hình đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan, tổ chức trong khu vực công cùng với việc xây dựng, hình thành các tiêu chí đo lường không chỉ trở thành một xu thế chủ đạo, mà được coi là xu hướng phát triển tất yếu của các nước trên thế giới.

1.1. Mô hình “Giải thưởng chất lượng Malcolm Baldrige” ở Hoa Kỳ

Việc thực hiện công tác đánh giá chất lượng ở Hoa Kỳ bắt đầu phát triển vào những năm 1980, khi các doanh nghiệp, tập đoàn lớn sớm nhận thức được vai trò của quản lý chất lượng sản phẩm trong nền sản xuất công nghiệp. Từ những năm 1990, chính sách chất lượng được coi là chính sách kinh doanh chính. Các lĩnh vực khác như chăm sóc sức khỏe, giáo dục, hoạt động của Chính phủ cũng bắt đầu quan tâm đến chất lượng. Bên cạnh đó, các tổ chức khu vực công của Hoa Kỳ đã chú trọng đến nâng cao chất lượng thông qua việc sử dụng các mô hình đánh giá, trong đó mô hình “Giải thưởng chất lượng Malcolm Baldrige” (Malcolm Baldrige National Quality Award - MBNQA) là một trong những mô hình được sử dụng phổ biến. Cũng giống như mô hình “Quản trị chất lượng” của châu Âu (European Foundation for Quality Management Excellence Model - EFQM Model), mô hình MBNQA là một trong những công cụ được cụ thể hóa từ mô hình “Quản lý chất lượng toàn diện” (Total Quality Management - TQM).

Ngày 20/8/1987, Tổng thống Mỹ Ronald Reagan đã ký sắc lệnh thông qua Luật số 100-107 về thiết lập “Giải thưởng chất lượng Malcolm Baldrige” - giải thưởng chất lượng quốc gia của Mỹ. Trên cơ sở đó, mô hình MBNQA trở thành một trong những cách thức đánh giá chủ yếu về những nỗ lực đạt tới chất lượng của hệ thống các tổ chức, kể cả khu vực công và khu vực tư. Đã có nhiều chương trình, dự án thuộc chính quyền địa phương, chính quyền liên bang và các tổ chức quốc tế cũng sử dụng phương pháp đánh giá trên nền tảng cơ bản của mô hình MBNQA. Hàng năm, có khoảng hơn 500 chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực được lựa chọn cạnh tranh trên toàn quốc để thực hiện công tác thu thập, tổng hợp, đánh giá và đưa ra những khuyến nghị về kết quả của từng tổ chức, góp phần cải thiện chất lượng hoạt động. Đến năm 2004, mô hình MBNQA chính thức có một khung khổ pháp lý đầy đủ cho việc hỗ trợ đánh giá chất lượng các tổ chức trong khu vực công, bao gồm các lĩnh vực: y tế, giáo dục,

các cơ quan của Chính phủ và các cơ quan trực thuộc của các Bộ, ngành. Từ năm 2007 đến năm 2016, đã có 82 tổ chức khu vực công áp dụng mô hình MBNQA và 07 tổ chức trong số đó đã giành được giải thưởng (bao gồm chính quyền của 02 thành phố và 02 bộ của Liên bang). Ngoài ra, các thành phố của các bang và các Bộ của một số bang ở California, Florida, Kansas, Tennessee và Texas đã nghiên cứu và chấp nhận những điểm phù hợp trong việc sử dụng các tiêu chí đánh giá của mô hình này để đánh giá một cách thực chất hoạt động của mình cũng như sự ghi nhận ở tầm quốc gia về kết quả hoạt động và thành tích đạt được.

Việc thiết lập các tiêu chí và phương pháp đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng để sử dụng mô hình MBNQA đối với các tổ chức khu vực công, đặc biệt là đối với các Bộ ở cấp liên bang hoặc cấp bang, điển hình như Bộ Giáo dục và Bộ Y tế Mỹ đã sử dụng trong thời gian vừa qua. Các tiêu chí của mô hình này thường xuyên được thay đổi để phù hợp với từng giai đoạn khi mà khái niệm về chất lượng được thảo luận, phân tích theo những quan điểm về nền kinh tế và công nghệ toàn cầu thường nhanh chóng thay đổi. Cụ thể, từ năm 1988 đến 2003, mô hình MBNQA đã có 4 lần thay đổi, bổ sung hệ thống các tiêu chí. Năm 1997, bộ tiêu chí này bao gồm 07 hạng mục: lãnh đạo; chiến lược; khách hàng và thị trường; đo lường phân tích và quản trị thông tin; nguồn nhân lực; quy trình hoạt động và kết quả. Từng hạng mục này được thiết kế và thiết lập thành những tiêu chí nhỏ với những trọng tâm chi tiết các tiêu chí thành phần khác nhau.

Ở mô hình MBNQA, việc khảo sát sự hài lòng của khách hàng là một bước tiến quan trọng trong việc hình thành các tiêu chí hướng tới đánh giá kết quả. Ví dụ, yếu tố sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng của tổ chức chiếm 300/1.000 điểm tối đa (trong bảng đánh giá năm 1991). Năm 1997, các tiêu chí về sự hài lòng của khách hàng tiếp tục được đưa vào đánh giá thông qua các tiêu chí ở nhóm lĩnh vực “khách hàng” và các tiêu chí “kết quả về khách hàng” ở nhóm lĩnh “kết quả”. Ngoài tiêu chí về sự hài lòng của khách hàng, các tiêu chí đánh giá khác cũng góp phần quan trọng để tạo nên chất lượng hoạt động của một tổ chức. Ví dụ, về cách thức thiết lập các tiêu chí và tính điểm như sau: 1) Lãnh đạo 120 điểm; 2) Chiến lược - 85 điểm; 3) Khách hàng và thị trường - 85 điểm; 4) Đo lường, phân tích và quản trị thông tin - 90 điểm; 5) Nguồn nhân lực - 85 điểm; 6) Quy trình hoạt động - 85 điểm; 7) Kết quả - 450 điểm.

Trong quá trình đánh giá, có khoảng 100 câu hỏi được chia thành 07 hạng mục khác nhau, mang lại khung tham chiếu hoạt động một cách khách quan và có cơ sở khoa học. Tuy nhiên, các tổ chức vẫn được khuyến khích phát triển những phương thức sáng tạo và linh động phù hợp với tình hình thực tiễn trong nội bộ của mình. Như vậy, có thể nhận thấy, hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của các tổ chức khu vực công ở Hoa Kỳ có những điểm nổi bật là việc sử dụng các tiêu chí liên quan đến “kết quả chất lượng” hoặc “kết quả đạt được” cũng như các tiêu chí “sự hài lòng của khách hàng”.

1.2. Đánh giá theo kết quả ở Vương quốc Anh

Đánh giá kết quả hoạt động là một nội dung quan trọng của chính phủ hiện đại ngày nay. Thông tin về những kết quả hoạt động tốt có thể giúp cho các bộ nâng cao chất lượng ban hành chính sách, quản lý nguồn lực hiệu quả, đây là một trong những mục tiêu quan trọng của

Chính phủ Vương quốc Anh nhằm thực hiện công tác đánh giá kết quả hoạt động của các Bộ thuộc Chính phủ với mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động. Nói cách khác, đánh giá kết quả song hành với công tác đánh giá chất lượng hoạt động của các Bộ thuộc Chính phủ. Cơ quan kiểm toán quốc gia (NAO) của Vương quốc Anh là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện công tác đánh giá dựa trên các phương pháp được lựa chọn. Cốt lõi của việc đánh giá hoạt động của các Bộ là đánh giá việc thực hiện “Bộ thoả ước dịch vụ công - PSA” - là các hợp đồng thực hiện công việc giữa các bộ với Chính phủ, sau khi đã tiến hành rà soát, đánh giá các mục tiêu chính sách và ngân sách từng cơ quan.

Việc đánh giá cũng dựa trên các số liệu đầu vào, đầu ra, tác động, đặc biệt có sự quan tâm đến mối quan hệ phối hợp giữa các Bộ để có được sự đánh giá chính xác nhất. Khung cấu trúc đánh giá kết quả khu vực công của Vương quốc Anh cũng là một trong những ưu tiên của Chính phủ trong giai đoạn 1980 - 1990 với mục tiêu cải cách, đổi mới các tổ chức thuộc khu vực công. Các nhà nghiên cứu cho rằng, đây là thời kỳ cải cách mạnh mẽ của Vương quốc Anh cùng với tên gọi “Quản lý công mới”. Nội dung chính của Khung đánh giá kết quả của Vương quốc Anh là cơ chế PSA. PSA lần đầu tiên được giới thiệu và đưa vào thực hiện từ năm 1998 với trọng tâm là hợp đồng thỏa thuận giữa Ngân khố Hoàng gia và các Bộ khác của Chính phủ. Ở Vương quốc Anh, đánh giá chi tiêu ngân sách được thực hiện 02 năm một lần. Với quan điểm định hướng của Ngân khố Hoàng gia Anh, mục tiêu, mục đích cũng như những tiêu chí kỹ thuật là những yếu tố cấu thành quan trọng của khung đánh giá kết quả khu vực công. Trong khoảng 20 năm qua, các học giả xem việc sử dụng hệ thống đánh giá kết quả là một trong những phương pháp hiệu quả trong quá trình thực thi các chiến lược tổ chức và đảm bảo sự điều chỉnh theo định hướng giữa chiến lược và hành động của các doanh nghiệp tư nhân. Các tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động được áp dụng tương đối thành công ở các bộ, cơ quan cung cấp dịch vụ công, ví dụ như Bộ Y tế và Ủy ban chăm sóc sức khỏe Vương quốc Anh. Việc đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan này được thực hiện thông qua các tiêu chí cụ thể, ví dụ như: tiếp cận; tài chính, nội bộ, sự hài lòng của người bệnh, các nhóm người bệnh cụ thể, đội ngũ nhân viên, các chỉ số về điều trị và mục tiêu kỹ thuật, thời gian chờ đợi...

Ngoài ra, các Bộ trong Chính phủ Anh thường sử dụng hệ thống các tiêu chí phù hợp với hoàn cảnh cụ thể trong quá trình đánh giá chất lượng, như tại Văn phòng Nội chính, khi cơ quan này áp dụng các mục tiêu của PSA trở thành khung đánh giá kết quả phù hợp cho lực lượng cảnh sát Vương quốc Anh. Ngoài việc sử dụng PSA như một công cụ đánh giá chất lượng các Bộ, ở Vương quốc Anh việc đánh giá chất lượng chính là đánh giá sự hài lòng của người dân đối với chính quyền và các tổ chức khu vực công. Năm 2006, Văn phòng Cộng đồng và Chính quyền địa phương thuộc Văn phòng Phó Thủ tướng Anh đã thuê một công ty đánh giá sự hài lòng của người dân đối với chính quyền địa phương trên cả nước (Hiện tại, không còn Văn phòng này). Công ty này đã đưa ra các tiêu chí cơ bản để đánh giá chất lượng hoạt động của chính quyền như: chính quyền cung cấp thông tin đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ và các chương trình hành động của mình cho người dân; chất lượng dịch vụ; khả năng tiếp cận và kiến nghị với công chức; mức độ công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của chính quyền. Kết quả khảo sát cho thấy, cung cấp dịch vụ là yếu tố then chốt trong việc xác

định mức độ hài lòng của người dân với chính quyền. Hệ thống tiêu chí chung bao gồm: 1) Cung cấp thông tin đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ và chương trình hành động của chính quyền; 2) Chất lượng dịch vụ công; 3) Khả năng tiếp cận và kiến nghị với công chức; 4) Mức độ công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của chính quyền. Các tiêu chí chung này được cụ thể hóa bằng hệ thống các tiêu chí đánh giá thành phần.

Chất lượng dịch vụ công được đặc biệt chú ý trong hoạt động đánh giá, vì vậy, bên cạnh các tiêu chí chung về dịch vụ công, nhóm đánh giá xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá các dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục, y tế và một số dịch vụ công cơ bản khác. Các tiêu chí đánh giá đặc biệt nhấn mạnh đến chất lượng dịch vụ công, bởi quan niệm chất lượng hoạt động thể hiện ở những dịch vụ công mà các cơ quan có thẩm quyền có thể mang lại cho người dân và khi người dân hài lòng với chất lượng dịch vụ, đồng nghĩa hoạt động của chính quyền được xem là có chất lượng và chất lượng hoạt động của các bộ cũng được thể hiện bởi những yếu tố này.

2. Những gợi mở đối với Việt Nam

Đánh giá chất lượng hoạt động cơ quan nhà nước bằng cách tiếp cận các tiêu chí nguồn lực đầu vào, quá trình hoạt động, kết quả và tác động đầu ra là một trong những cách tiếp cận căn bản của các nước trên thế giới. Vì vậy, các nước có nền hành chính phát triển trên thế giới đã phát triển mô hình này với nhiều biến thể khác nhau để đo lường và đánh giá chất lượng hoạt động của từng cơ quan cụ thể, riêng biệt. Điều đó góp phần làm phong phú thêm lý thuyết về đánh giá và quản lý trong bối cảnh toàn cầu hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, chính phủ điện tử và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ.

Trong đánh giá chất lượng hoạt động, các chỉ số đánh giá, tiêu chí đánh giá được xem là một trong những thành tố quan trọng của các nội dung đánh giá chất lượng cũng như quản lý chất lượng toàn bộ. Các nội dung này có mối quan hệ mật thiết với nhau trong quá trình đánh giá cơ quan, tổ chức ở cả khu vực tư và khu vực công. Để công tác đánh giá chất lượng bảo đảm tính tin cậy, góp phần nâng cao trách nhiệm của hệ thống các cơ quan nhà nước nói chung, hệ thống cơ quan hành chính nhà nước nói riêng, cần có khung đánh giá với những tiêu chí toàn diện, cụ thể hơn và dễ dàng áp dụng.

Từ việc nghiên cứu quá trình đánh giá và việc sử dụng các tiêu chí để đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan nhà nước ở một số quốc gia, có thể nêu ra một số gợi mở đối với Việt Nam như sau:

Một là, quá trình đánh giá chất lượng cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, trải qua các bước thử nghiệm, ở phạm vi một vài cơ quan, tổ chức, cho đến áp dụng ở phạm vi rộng hơn. Do đó, cần xác định một cách cụ thể chất lượng hoạt động là gì, chất lượng hoạt động bao gồm những nội dung nào. Đồng thời, cần thiết lập một chỉ số đánh giá với hệ thống các tiêu chí trên cơ sở xác định rõ nội dung, nguyên tắc, tiêu chuẩn hoạt động; tổng hợp kết quả hoạt động của các yếu tố cấu thành, trên cơ sở mức độ đạt được các mục tiêu, yêu cầu đối với hoạt động. Chất lượng hoạt động được thể hiện qua hệ thống các chỉ báo: nguồn lực đầu vào, đầu ra, kết quả, sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với các khía cạnh hoạt động trong việc thực

hiện những chức năng, nhiệm vụ nhất định nhằm đáp ứng các nhiệm vụ được pháp luật quy định, cũng như đáp ứng mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Hai là, cần có tiêu chuẩn cụ thể để các cơ quan nhà nước có căn cứ đánh giá phù hợp, chính xác, đạt mục tiêu. Do đó, yêu cầu phải xây dựng một hệ thống các tiêu chí rõ ràng, minh bạch với những chỉ số được lượng hóa, nêu rõ các phương thức đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng sẽ được sử dụng nhằm nâng cao những tiêu chuẩn cụ thể trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Ba là, các tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan nước cần được xây dựng bao quát toàn bộ các nội dung hoạt động, trọng tâm là hướng đến kết quả, trong đó cần tuân theo nguyên tắc quan hệ nguyên nhân - kết quả.

Bốn là, tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động thường xuyên cần được thay đổi để phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, mục tiêu quản lý, định hướng phát triển trong tương lai.

Năm là, các bộ tiêu chí của các nước đều hướng tới sự hài lòng của khách hàng, người dân, tổ chức. Đây là một trong những tiêu chí có ý nghĩa khoa học trong công tác đánh giá để thể hiện được chất lượng hoạt động của một cơ quan, tổ chức. Theo đó, ngoài việc áp dụng hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng cần phải sử dụng các phương pháp, công cụ hỗ trợ phù hợp thông qua các phương pháp điều tra, thăm dò dư luận, tổ chức khảo sát... để đánh giá một cách chính xác sự hài lòng của khách hàng, người dân, tổ chức.

Sáu là, việc sử dụng các tiêu chí để xác định kết quả hoạt động của Chính phủ cần phải có một công cụ đánh giá đáng tin cậy, đảm bảo các mục tiêu dài hạn không bị gián đoạn, đảm bảo trách nhiệm giải trình và giảm thiểu tác động không phù hợp trong quản lý.

Bảy là, để xây dựng và vận hành hệ thống đánh giá chất lượng hoạt động cần xây dựng năng lực cho cơ quan và công chức làm công tác đánh giá. Phần lớn ở các nước, trong quá trình đánh giá luôn có một đội ngũ công chức chuyên nghiệp và cơ cấu hợp lý, trong đó các công chức phụ trách đánh giá của từng chương trình, từng cơ quan đều rất chuyên nghiệp. Đó là một yếu tố quan trọng để bảo đảm phát triển bền vững và khai thác hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả.

ThS. Nguyễn Mạnh Cường, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

Nguồn: tcnn.vn

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Tuấn Minh (đồng chủ biên), Tìm hiểu về quản lý chất lượng trong khu vực công, Nxb CTQG-ST, H.2015.
2. Nguyễn Trung Trực và Trương Quang Dũng, ISO 9000 trong dịch vụ hành chính, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 2003.
3. Tô Tử Hạ, Từ điển Hành chính, Nxb Lao động - Xã hội, H.2003.
4. Ngô Thành Can, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Tổ chức hành chính nhà nước - Lý luận và thực tiễn, Nxb Tư pháp, H.2016.
5. Nguyễn Đăng Thành, Đo lường và đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước - Những thành tựu trên thế giới và ứng dụng ở Việt Nam, Nxb Lao động, H.2012.
6. Behn, R. D. (2003), "Why Measure Performance? Different Purposes Require Different Measures", *Public Administration Review*, 63(5), pp. 586-606.
7. Bouckaert, G., & Van Dooren, W. (2009). Performance measurement and management in public sector organizations. *Public management and governance*, 2, 151-164.
8. Rothstein, B. and Teorell, J. (2008), What Is Quality of Government? A Theory of Impartial Government Institutions. *Governance*, 21: 165-190.
9. Carter, N. (1991). Learning to measure performance: the use of indicators in organizations. *Public Administration*, 69(1), 85-101.
10. City of Charlotte, N.C (1999), *Balanced Scorecard*.
11. Diefenbach, T. (2009), "New public management in public sector organizations: the dark sides of managerialistic 'enlightenment'", *Public administration*, 87(4), 892-909.
12. Evan M. Berman (1998), *Measuring productivity*.
13. George A.Boyne (2003), "What is public service improvement?", *Public Administration Vol. 81 No.2 (p.211-227)*.
14. John Isaac Mwita (2000), "Performance management model, A systems-based approach to public service quality", *The International Journal of Public Sector Management*, Vol.13 No.1 (pp.19-37).
15. Kaplan, R. S., & Norton, D. P. (2001). Transforming the balanced scorecard from performance measurement to strategic management: Part I. *Accounting horizons*, 15(1), 87-104.
16. Kouzmin, A., Löffler, E., Klages, H., & Korac-Kakabadse, N. (1999). Benchmarking and performance measurement in public sectors: towards learning for agency effectiveness. *International Journal of Public Sector Management*, 12(2), 121-144.
17. Noordegraaf, M. & Abma, T. (2003), "Management by Measurement? Public Management Practices Amidst Ambiguity", *Public Administration*, 81(4), pp. 853-871.
18. Micheli, P., & Neely, A. (2010). Performance measurement in the public sector in England: Searching for the golden thread. *Public Administration Review*, 70(4), 591-600.

19. Powell, T. C. (1995). Total quality management as competitive advantage: a review and empirical study. *Strategic management journal*, 16(1), 15-37.
20. Winn, B.A. & Cameron, K.S. Research in Higher Education (1998), Organizational quality: An Examination of the Malcolm Baldrige National Quality Framework, 39(5), 491-512.
21. Wongrassamee, S., Simmons, J. E., & Gardiner, P. D. (2003), Performance measurement tools: the Balanced Scorecard and the EFQM Excellence Model, *Measuring business excellence*, 7(1), 14-29.
22. The UK Government (2001), *Measuring the performance of Government Department*, National Audit Office.
23. *Improving Government Performance: The Great Promise of the Baldrige Excellence Framework*, 2016, <https://patimes.org/improving-government-performance-great-promise-baldrige-excellence-framework/>, published October 21, 2016.
24. Holzer, M., Charbonneau, E., & Kim, Y. (2009). Mapping the terrain of public service quality improvement: twenty-five years of trends and practices in the United States. *International Review of Administrative Sciences*, 75(3), 403-418. <https://doi.org/10.1177/0020852309341330>.

QUY ĐỊNH SỐ 22-QĐ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG SẾ KHÍCH LỆ LÃNH ĐẠO DÁM ĐỘT PHÁ

Ở mỗi bước ngoặt lịch sử cần có những quyết định táo bạo, cũng như trong công tác chống dịch lần này, Quy định số 22-QĐ/TW sẽ đứng sau hỗ trợ người đứng đầu, khích lệ họ dám đột phá.

Điểm mới trong Quy định số 22-QĐ/TW được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thay mặt Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII vừa ký ban hành là công tác kiểm tra, giám sát phải kịp thời phát hiện nhân tố mới, tích cực để phát huy, bảo vệ cái đúng, bảo vệ người tốt, cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung.

“Bảo bồi giúp cán bộ tự tin đột phá”

Đảng ta đã nhìn thấy và trong nhiệm kỳ khóa XII đã đặt ra vấn đề khuyến khích và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đưa vào dự thảo Báo cáo Chính trị để đại hội thảo luận, quyết nghị. Khi đó, trả lời phỏng vấn báo chí nhiều lãnh đạo địa phương đều đánh giá cao chủ trương này, cho rằng, với cơ chế này, họ tự tin hơn, vững tâm hơn khi mạnh dạn đổi mới, đột phá vì mục tiêu phát triển của địa phương mình.

Trong bối cảnh, đất nước đang căng mình chống dịch, đặc biệt ở những địa phương dịch diễn biến phức tạp, đòi hỏi người đứng đầu phải có những quyết sách nhanh và trúng, không để bị cản trở, bó buộc bởi tâm lý sợ sai không dám làm.

Và việc Quy định số 22-QĐ/TW được ban hành vào thời điểm cả nước đang “chống dịch như chống giặc”, theo PGS. TS. Đoàn Thế Hanh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, nó như là một điểm tựa, là cơ sở khuyến khích cán bộ dám mạnh dạn vượt qua khó khăn thử thách trong một thời điểm mang tính quyết định tới sự tồn tại và phát triển.

Ở mỗi bước ngoặt lịch sử như vậy cần có những quyết định táo bạo thì Quy định đó sẽ đứng sau hỗ trợ người đứng đầu, khích lệ họ dám mạnh dạn hơn.

Theo PGS. TS. Đoàn Thế Hanh, tới đây sẽ xây dựng cơ chế để bảo vệ cán bộ 6 dám giúp người đứng đầu tự tin khi đối diện với những vấn đề còn mới, còn đang thử nghiệm. Quy định đã “bật đèn xanh” để cán bộ có thể xin phép thí điểm, nhằm mục tiêu phát huy tính năng động, sáng tạo và phản ứng kịp thời trước lối rẽ của lịch sử, trước mỗi vấn đề phức tạp đặt ra trong cuộc sống mà chưa có cơ chế chỉ đạo. Quy định đó là xương sống, là sự gợi mở, là điểm tựa để người ta có thể vượt lên kịp thời giải quyết.

Trong giai đoạn “nước sôi lửa bỏng” vừa qua, lãnh đạo nhiều địa phương đã có những phản ứng khá tốt bằng những quyết sách rất kịp thời trong công tác chống dịch ở địa phương mình. Đó là, những chỉ đạo khá linh hoạt, quyết đoán của lãnh đạo tỉnh Kiên Giang trong giải quyết bài toán lưu thông hàng hóa thiết yếu; hay đề xuất hỗ trợ tiền điện, nước cho người dân

khi thu nhập bị sút giảm trong mùa dịch của lãnh đạo tỉnh Cà Mau... Qua cách giải quyết của lãnh đạo các địa phương trên, ông Vũ Trọng Kim, đại biểu Quốc hội tỉnh Nam Định cho rằng đã nhìn thấy bóng dáng của những mẫu lãnh đạo dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Nhưng cũng không ít nơi sợ chưa có cơ chế, lãnh đạo có tâm lý e ngại, sợ sai không dám làm.

Với sự ra đời của Quy định số 22-QĐ/TW, lãnh đạo, người đứng đầu các địa phương có cơ sở để mạnh dạn, yên tâm thể hiện năng lực, sáng tạo. Vấn đề còn lại là bản lĩnh, tâm huyết của họ đến đâu, khi họ là lãnh đạo ở cấp gần và sát với dân nhất. Dịch COVID-19 lần này cũng là vấn đề chưa từng xảy ra, nên để nhanh chóng theo kịp diễn biến của dịch bệnh đôi khi cần lãnh đạo phải có những quyết định mang tính "xé rào".

Khi xác định được mục tiêu tối thượng, cán bộ cứ mạnh dạn làm

Dẫn lại câu chuyện Bác Hồ trao toàn quyền quyết định cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ huy ngoài chiến trường với lời dặn dò khi đối mặt với hiện thực khách quan nhưng chưa có cơ chế thì xác định mục tiêu chiến lược là quan trọng, phải lấy cái bất biến là mục tiêu tối thượng, cái bất biến ở đây chính là việc cứu dân kịp thời, PGS. TS. Đoàn Thế Hanh cho rằng, tương tự công tác phòng chống dịch hiện nay cũng vậy, phải xác định được cái bất biến, cái mục tiêu là cắt dịch, dập dịch, bảo đảm an toàn cho người dân. Xác định được mục tiêu đó, cán bộ cứ mạnh dạn, những quyết sách nào đảm bảo cho mục tiêu đó thì làm.

Qua theo dõi công tác chỉ đạo chống dịch của các địa phương thời gian qua, PGS. TS. Đoàn Thế Hanh nhận thấy điều nổi lên rõ nhất là ý thức kỷ luật tổ chức của cấp ủy chính quyền các địa phương, việc tuân thủ nghiêm tình thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch, nhưng nhiều lãnh đạo địa phương thiếu mất sự linh hoạt để phù hợp với diễn biến dịch bệnh thực tế ở địa phương mình.

Tại kỳ họp đầu tiên, Quốc hội khóa XV đã ban hành Nghị quyết mang tính lịch sử, lần đầu tiên, giao cho Chính phủ, Thủ tướng có thể quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp chưa được luật quy định hoặc khác với quy định trong các luật, pháp lệnh hiện hành.

Việc trao quyền của cơ quan quyền lực cao nhất đất nước thể hiện sự trao gửi niềm tin vào Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hơn lúc nào hết, đây là lúc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ban, ngành Trung ương tới địa phương thể hiện vai trò, bản lĩnh và khả năng để người dân được nhờ. Đây cũng là điều mà người dân đang trông chờ.

Nguồn: vov.vn

CẮT BỎ NHIỀU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI

Đầu tháng 7/2021, hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chính thức được vận hành. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam là đơn vị đầu tiên ngoài ngành công an được lựa chọn để triển khai dịch vụ kết nối và xác thực dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trao đổi với báo chí, Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam Nguyễn Thế Mạnh khẳng định, Cơ sở dữ liệu quốc gia được vận hành đã giúp cắt bỏ nhiều thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, tạo thuận lợi cho người dân.

Xác thực thông tin, đơn giản hóa thủ tục

Phóng viên: Thưa ông, việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư góp phần giúp Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cải cách thủ tục hành chính như thế nào?

Tổng giám đốc Nguyễn Thế Mạnh: Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam luôn lấy người dân làm trung tâm phục vụ. Hiện nay, Cơ sở dữ liệu của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đang quản lý thông tin của toàn bộ người tham gia, thụ hưởng chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Năm 2020, toàn ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tiếp nhận và giải quyết 87 triệu hồ sơ giao dịch điện tử (chưa kể khoảng 170 triệu hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí khám, chữa bệnh liên thông trên hệ thống Giám định bảo hiểm y tế), từ tháng 01/2021 đến nay cũng đã có 38,1 triệu hồ sơ giao dịch điện tử được tiếp nhận và giải quyết. Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu này góp phần giúp ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thực hiện các biện pháp cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, cũng như hiệu quả quản lý, đáp ứng các yêu cầu xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Với vai trò là cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, đến nay, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã ban hành và triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025; thực hiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác thực thông tin công dân khi đăng ký tài khoản trên Cổng dịch vụ công Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và trên ứng dụng bảo hiểm xã hội số (VssID)...

Phóng viên: Cho tới nay, thực tế việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã mang lại hiệu quả như thế nào, thưa ông?

Tổng giám đốc Nguyễn Thế Mạnh: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm thực hiện xác thực đối với thông tin nhân khẩu thuộc cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế (đối với các trường hợp có dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), qua đó rà soát, đối chiếu, chuẩn hóa dữ liệu nhân khẩu trong dữ liệu của ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Tính đến nay, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã thực hiện việc rà soát đối chiếu với 8,1 triệu thông tin cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Song song đó, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã chính thức triển khai việc xác thực thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan bảo hiểm xã hội trên Cổng dịch vụ công Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và trên ứng dụng VssID của Ngành. Nhờ đó, người dân khi đăng ký giao dịch điện tử với Bảo hiểm Xã hội Việt Nam càng thêm thuận tiện. Cụ thể, khi công dân sử dụng căn cước công dân để đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, hệ thống tự động đối chiếu, xác thực thông tin do công dân kê khai, thông tin trong cơ sở dữ liệu của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đang quản lý (họ tên, số căn cước công dân, ngày sinh, giới tính) với thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia

về dân cư. Bước xác thực trên giúp làm tăng tính chính xác của thông tin do được đối chiếu với thông tin gốc của người dân. Đồng thời, công dân không cần phải cập nhật ảnh căn cước công dân đính kèm, cơ quan bảo hiểm xã hội không phải lưu giữ ảnh căn cước công dân, qua đó góp phần giảm nguy cơ lộ lọt thông tin, giấy tờ cá nhân. Theo số liệu thống kê, đến thời điểm này đã có khoảng 2 triệu lượt đăng ký được xác thực.

Đề xuất căn cước công dân gắn chip sẽ thay thế bảo hiểm y tế

Phóng viên: Hiện việc phối hợp giữa Bảo hiểm Xã hội Việt Nam với ngành y tế triển khai việc sử dụng hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VssID đã được thực hiện như thế nào, thưa ông?

Tổng giám đốc Nguyễn Thế Mạnh: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam phối hợp với ngành Y tế chính thức triển khai việc sử dụng hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VssID trong khám chữa bệnh trên toàn quốc. Đây được coi là một trong những bước đi quan trọng của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trong kế hoạch triển khai dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, nhằm mang đến nhiều tiện ích cho người dân. Theo đó, người dân khi đi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế sẽ không cần phải mang theo thẻ bảo hiểm y tế giấy, thay vào đó có thể sử dụng hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VssID. Cách làm này đã giúp loại bỏ, đơn giản thủ tục khám chữa bệnh, đồng thời, người dân cũng không cần phải lo lắng việc bảo quản thẻ bảo hiểm y tế, quên thẻ bảo hiểm y tế; tính bảo mật, an toàn dữ liệu thông tin khám chữa bệnh được bảo đảm.

Thời gian tới, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam sẽ nỗ lực đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để hoàn thiện các thông tin gốc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Rà soát rút gọn quy trình, cải cách thủ tục hành chính để bỏ các yêu cầu đính kèm giấy tờ tùy thân đối với cá nhân đã được xác thực thông tin. Đề xuất cho phép sử dụng căn cước công dân có gắn chip thay thẻ bảo hiểm y tế khi đi khám chữa bệnh. Các bệnh viện có thể đọc thông tin từ mã vạch QR code trên căn cước công dân, sau đó gửi yêu cầu đến cơ quan bảo hiểm xã hội và nhận được các thông tin do cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Ứng dụng công nghệ sinh trắc xác thực vân tay của người dân trên thẻ căn cước công dân gắn chip vào việc chống lạm dụng quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Khi ứng dụng được công nghệ này, người dân không thể mượn thẻ của người khác để lạm dụng trực lợi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế khi đi khám chữa bệnh hay khi hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

Nguồn: qdnd.vn

HOÀN THIỆN CÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ ĐỂ Củng cố KHO BẠC ĐIỆN TỬ

Trong giai đoạn vừa qua, toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước đã tập trung xây dựng kho bạc điện tử theo Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020 với nhiều cải cách, hiện đại, lấy khách hàng làm trọng tâm phục vụ.

Hiện, Kho bạc Nhà nước vẫn đang nỗ lực cố gắng hoàn thiện các chương trình, ứng dụng công nghệ thông tin để củng cố thêm nhiều tiện ích hơn nữa cho kho bạc điện tử.

Công tác thu, chi ngân sách đã được hiện đại toàn diện

Báo cáo từ Kho bạc Nhà nước cho thấy, trở thành kho bạc điện tử, công tác thu, chi ngân sách đã được hiện đại hoàn toàn theo hướng tạo thuận lợi nhất cho các đơn vị giao dịch.

Cụ thể, đối với công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước đã thực hiện phối hợp thu với các hệ thống ngân hàng thương mại. Trong 5 năm trở lại đây, toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương đã tích cực ký kết phối hợp thu ngân sách nhà nước với 9 hệ thống ngân hàng thương mại (5 hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước và 4 hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần đã tạo thêm rất nhiều thuận lợi cho khách hàng giao dịch. Với sự phối hợp này, khách hàng giao dịch được tạo thuận lợi tối đa trong việc thực hiện nghĩa vụ ngân sách...

Đồng thời, Kho bạc Nhà nước còn đẩy mạnh ứng dụng các phương thức thanh toán điện tử. Do đó, tỷ trọng thanh toán bằng tiền mặt qua Kho bạc Nhà nước đã giảm mạnh. Đến nay, thu ngân sách nhà nước bằng tiền mặt tại Kho bạc Nhà nước chỉ còn khoảng 0,47% tổng thu qua Kho bạc Nhà nước. Chi ngân sách nhà nước bằng tiền mặt trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước còn khoảng gần 3% tổng chi qua Kho bạc Nhà nước (chủ yếu là chi đặc biệt, chi an ninh, quốc phòng). Từ đó, đã giảm thiểu thanh toán bằng tiền mặt trong khu vực công và tiết kiệm chi phí xã hội.

Bên cạnh đó, để phục vụ tốt hơn cho các đơn vị sử dụng ngân sách, giảm thiểu chi phí về thời gian và vật chất cho xã hội, Kho bạc Nhà nước đã luôn chú trọng đổi mới công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước - khâu nghiệp vụ quan trọng có giao dịch chủ yếu và trực tiếp với khách hàng. Nhờ đó, việc kiểm soát chi ngân sách nhà nước (cả chi đầu tư và chi thường xuyên) trong những năm gần đây đã có bước đột phá về giảm thiểu thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian thực hiện. Đối với kiểm soát chi nguồn vốn đầu tư, thời gian kiểm soát chi đã được Kho bạc Nhà nước rút ngắn từ 7 ngày xuống còn 3 ngày làm việc. Đặc biệt, từ năm 2018, Kho bạc Nhà nước đã áp dụng phương thức “thanh toán trước, kiểm soát sau” đối với hợp đồng thanh toán nhiều lần, nhờ đó đã rút ngắn tối đa thời gian thanh toán xuống còn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp hợp lệ của đơn vị sử dụng ngân sách. Đối với chi thường xuyên, Kho bạc Nhà nước đã kiểm soát các khoản chi nhỏ theo bảng kê chứng từ thanh toán.

Cùng với việc cải cách trên, Kho bạc Nhà nước đã đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa một giao dịch viên trong kiểm soát chi ngân sách nhà nước. Với cơ chế này, người tiếp nhận hồ sơ cũng chính là người xử lý công việc cho đơn vị sử dụng ngân sách, từ đó đã rút ngắn thời gian thanh toán, giảm bớt đầu mối kiểm soát chi.

Đáng chú ý, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến - nền tảng căn bản của kho bạc điện tử, đã giúp cho các giao dịch của đơn vị sử dụng ngân sách với kho bạc trở nên thuận lợi và dễ dàng hơn khi được thực hiện trên môi trường mạng internet. Dịch vụ công trực tuyến đã giúp các đơn vị sử dụng ngân sách không phải đến trực tiếp kho bạc để giao dịch, vừa tiết kiệm thời

gian vừa tiết kiệm các chi phí đi lại. Đặc biệt, trong giai đoạn giãn cách xã hội do dịch COVID-19, dịch vụ công trực tuyến đã chứng minh hiệu quả rõ rệt khi các giao dịch vẫn được thực hiện thông suốt, giúp cho việc chi trả ngân sách nhà nước không bị gián đoạn.

Đánh giá về công tác kiểm soát chi ngân sách của Kho bạc Nhà nước thời gian qua, Phó Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước Nguyễn Quang Vinh cho biết, cải cách công tác kiểm soát chi ngân sách đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho khách hàng và đơn vị sử dụng ngân sách. Có thể kể tới những lợi ích như: giảm hồ sơ, tài liệu; giảm về thủ tục hành chính; giảm đầu mối kiểm soát thông qua cơ chế một cửa một giao dịch viên; giảm thời gian kiểm soát thanh toán; giảm tiếp xúc trực tiếp với khách hàng. “Đây là tiền đề để Kho bạc Nhà nước phát triển nhiều đề án tiếp theo để phục vụ khách hàng tốt hơn nữa và dần hướng tới hình thành kho bạc số” - ông Vinh nhấn mạnh.

Ngoài ra, kho bạc điện tử còn giúp cho công tác quản lý ngân quỹ nhà nước được đổi mới theo hướng an toàn, hiệu quả. Ngoài việc hoàn thành xây dựng tài khoản thanh toán tập trung, Kho bạc Nhà nước đã phát triển các công cụ dự báo luồng tiền, thực hiện đầu tư ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi (cho vay và tạm ứng cho ngân sách nhà nước, gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại); gắn kết chặt chẽ giữa quản lý ngân quỹ nhà nước với quản lý ngân sách và quản lý nợ, tạo thêm nguồn thu và giảm chi phí vay nợ cho ngân sách nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện để trở thành kho bạc điện tử vững chắc

Với các kết quả đạt được của kho bạc điện tử, Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới đều đánh giá Kho bạc Nhà nước đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong việc xây dựng các năng lực quản lý tài chính công cốt lõi, phù hợp với xu thế cải cách tài chính công và mô hình kho bạc hiện đại trên thế giới. “Với nền tảng vững chắc đã xây dựng được, Kho bạc Nhà nước hiện đang ở trong điều kiện rất thuận lợi để thực hiện những cải cách tiếp theo” - các chuyên gia đến từ Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới nhận định.

Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Kho bạc Nhà nước Bùi Thế Phương cho biết, tiếp bước những kết quả đã đạt được và để thực hiện mục tiêu hoàn thiện ứng dụng nhằm củng cố thêm các tiện ích cho kho bạc điện tử, tạo tiền đề vững chắc để tiến tới kho bạc số, Kho bạc Nhà nước đang và sẽ tiếp tục xây dựng triển khai bài toán liên thông giữa dịch vụ công trực tuyến với TABMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc) và thanh toán điện tử với ngân hàng.

Đồng thời, Kho bạc Nhà nước xây dựng và triển khai dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 còn lại (đối chiếu số dư tài khoản hàng tháng, cam kết chi ngân sách nhà nước) để tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; tích hợp module thanh toán liên ngân hàng (của Ngân hàng Nhà nước) độc lập vào hệ thống thanh toán điện tử song phương.

Bên cạnh đó, Kho bạc Nhà nước sẽ xây dựng cổng dữ liệu kết nối thanh toán với các nhà cung cấp điện - nước - viễn thông; cổng dữ liệu kết nối bảng thanh toán lương với các ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thanh toán; xây dựng chương trình nhận diện khuôn mặt trên một số ứng dụng phục vụ kiểm soát chi ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, để phát huy tối đa những thuận lợi từ dịch vụ công trực tuyến, Kho bạc Nhà nước sẽ xây dựng, triển khai dịch vụ lưu trữ hồ sơ, chứng từ chi điện tử Kho bạc Nhà nước tích hợp với dịch vụ công trực tuyến và chương trình quản lý kiểm soát chi đầu tư; hoàn thiện hệ thống tổng kế toán theo các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành; hoàn thiện hệ thống kế toán nội bộ Kho bạc Nhà nước; xây dựng và triển khai hệ thống quản lý văn bản điều hành toàn ngành có khả năng liên thông qua trực văn bản quốc gia để gửi/nhận tới các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

CHỦ TỊCH NƯỚC: BAN HÀNH KẾ HOẠCH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN “CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045”

Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc ký ban hành Kế hoạch số 02/KH-CTN về xây dựng Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” với nhiều nội dung quan trọng.

Phòng chống đại dịch COVID-19 đang hoành hành là ưu tiên cao nhất lúc này. Nhưng để củng cố các nền móng cho sự phát triển lâu dài của đất nước, sự trường tồn của quốc gia, dân tộc thì hoàn thiện thể chế phải được quan tâm thích đáng.

Với tinh thần ấy, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc ký ban hành Kế hoạch số 02/KH-CTN về xây dựng Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”.

Đây là những bước đi đầu tiên của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng ban Ban chỉ đạo xây dựng đề án quan trọng này, nhằm kịp hoàn thiện để Bộ Chính trị trình Ban chấp hành Trung ương xem xét, thông qua tại Hội nghị Trung ương 6, dự kiến vào tháng 10/2022.

Đây sẽ là lần đầu tiên Ban chấp hành Trung ương ra một nghị quyết chuyên đề lớn như vậy về Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Từ lý luận đến thực tiễn

Để hình thành đề án lớn này, Kế hoạch số 02/KH-CTN giao các cơ quan đầu mối lớn của hệ thống chính trị ở trung ương xây dựng 27 chuyên đề chuyên sâu, phủ hết các nội dung lớn của chiến lược.

Ở mảng lý luận, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội chủ trì nghiên cứu, xây dựng ba chuyên đề: Cơ sở lý luận thực tiễn về Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quyền lực nhà nước và cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; Xây dựng và hoàn thiện nền tư pháp Việt Nam - những vấn đề lý luận.

Hội đồng Lý luận Trung ương được giao chủ trì nghiên cứu hai chuyên đề tập trung vào: Quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XIII về chủ đề này.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì nghiên cứu ba chuyên đề: Sự lãnh đạo của Đảng trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Tôn trọng, bảo vệ và bảo

đảm quyền con người, quyền công dân; Đánh giá tác động của việc ban hành và thực hiện chiến lược.

Các chuyên đề đi vào các nội dung cụ thể thuộc về cơ chế vận hành được giao cho khối các cơ quan nhà nước. Cụ thể:

Đảng đoàn Quốc hội chủ trì nghiên cứu bốn chuyên đề: Chiến lược xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật; Hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền tư pháp; Đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội; Hoàn thiện cơ chế bảo hiến.

Văn phòng Chủ tịch nước chịu trách nhiệm một chuyên đề về hoàn thiện chế định Chủ tịch nước.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì ba chuyên đề: Chiến lược cải cách hành chính; Đổi mới tổ chức, hoạt động của Chính phủ; Đổi mới tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương.

Cải cách tư pháp: 7 chuyên đề lớn nhỏ

Ở nhóm chuyên đề cải cách tư pháp, Ban Nội chính Trung ương chịu trách nhiệm nghiên cứu một chuyên đề tổng quát về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Các cơ quan thuộc nhóm tư pháp tổ chức các chuyên đề hẹp, như Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, mỗi đơn vị một chuyên đề về cải cách tư pháp trong ngành mình. Đảng ủy Công an Trung ương nghiên cứu hai chuyên đề: Cải cách tư pháp trong cơ quan điều tra; Đổi mới công tác tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

Cũng như vậy, Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp chủ trì hai chuyên đề: Đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động thi hành án dân sự; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động hỗ trợ tư pháp.

Các chuyên đề còn lại, như vấn đề tác động của quá trình hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được giao cho Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao. Ban cán sự đảng Kiểm toán Nhà nước thì lo về phân hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động của Kiểm toán Nhà nước.

Hai chuyên đề liên quan trực tiếp tới người dân thì do Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phụ trách, gồm: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội; Bảo đảm thực hiện, phát huy quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ban Chỉ đạo với 8 Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Để xây dựng đề án đồ sộ này, sau khi Ban Chấp hành Trung ương, ở Hội nghị lần thứ 2, thông qua chương trình làm việc toàn khóa, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo gồm 21 người, trong đó tám vị là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư; 10 Ủy viên Trung ương Đảng.

Trưởng ban Ban chỉ đạo là Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, ba Phó Trưởng ban gồm: Thủ tướng Phạm Minh Chính, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, Trưởng ban Ban Nội chính Trung ương Phan Đình Trạc.

Trong cơ cấu lãnh đạo này, ông Phan Đình Trạc là Phó Trưởng Ban thường trực, để chỉ đạo Ban Nội chính Trung ương làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, giúp Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch số 02/KH-CTN.

Số còn lại là các Ủy viên Ban Chỉ đạo, gồm lãnh đạo Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Quốc hội, hai Ủy ban Tư pháp - Pháp luật của Quốc hội, Bộ Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hội đồng Lý luận Trung ương.

Giúp việc cho Ban Chỉ đạo là Tổ biên tập do Chủ tịch nước - Trưởng ban Ban Chỉ đạo Nguyễn Xuân Phúc ký quyết định thành lập, gồm 33 cán bộ đến từ nhiều Bộ, ngành trung ương có liên quan đến nhiệm vụ xây dựng đề án.

Cho đến nay, Ban Chỉ đạo đã họp một cuộc. Ngoài ra, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đã tổ chức một cuộc họp với nhiều chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu đặt hàng góp ý cho việc xây dựng Kế hoạch số 02/KH-CTN, cũng như mong muốn sẽ có phản biện chuyên môn mạnh mẽ trong quá trình các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề nhỏ, cũng như khi hình thành đề án lớn.

Nguồn: plo.vn

BỘ TÀI CHÍNH: BAN HÀNH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH MỚI

*** Mức thu phí trong công tác an toàn thực phẩm**

Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/9/2021.

Đối tượng nộp phí gồm tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu thực phẩm khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định cấp phép lưu hành, nhập khẩu, xác nhận, công bố trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; thẩm định cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu; thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm...

Thông tư quy định cụ thể các mức phí thẩm định cấp phép lưu hành, nhập khẩu, xác nhận, công bố trong lĩnh vực an toàn thực phẩm. Trong đó, phí thẩm định hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, mức phí là 1,5 triệu đồng/lần/sản phẩm.

Phí thẩm định hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh sách mục phụ gia được phép sử

dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định, mức thu phí là 500.000 đồng/lần/sản phẩm.

Phí xác nhận lô hàng thực phẩm nhập khẩu (chưa bao gồm chi phí kiểm nghiệm) từ 300.000 - 10 triệu đồng/lô hàng.

Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu (Giấy chứng nhận lưu hành tự do, giấy chứng nhận xuất khẩu, giấy chứng nhận y tế) là 1 triệu đồng/lần/giấy chứng nhận.

Phí thẩm định điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm từ 500.000 - 28,5 triệu đồng/lần.

Theo quy định tại Thông tư số 67/2021/TT-BTC, trường hợp tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí được để lại 70% số tiền phí thu được, để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định; nộp 30% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/9/2021.

*** Giảm 50% mức thu phí và lệ phí trong lĩnh vực thú y**

Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 68/2021/TT-BTC quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực thú y nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Theo đó, một số khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực thú y sẽ được giảm tới 50%. Cụ thể: Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyên cửa khẩu; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y; phí kiểm dịch động vật đối với hoạt động kiểm tra lâm sàng gia cầm đều được giảm 50% so với quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định thu phí, lệ phí trong công tác thú y.

Bộ Tài chính cho biết, với mức thu phí, lệ phí điều chỉnh giảm tại Thông tư trên, dự kiến trong 1 quý sẽ giảm khoảng 859 triệu đồng (gồm 850 triệu đồng lệ phí và 8,7 triệu đồng phí).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/8/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

Kể từ ngày 01/01/2022 trở đi, mức thu các khoản phí, lệ phí nêu trên thực hiện theo quy định tại Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC.

*** Hướng dẫn chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục**

Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 56/2021/TT-BTC hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục thường xuyên.

Đối với chi hoạt động tự đánh giá, Thông tư nêu rõ, cơ sở giáo dục công lập sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định của pháp luật để chi cho hoạt động tự đánh giá.

Cụ thể, chi thuê chuyên gia tư vấn: Trường hợp cần thiết, hội đồng tự đánh giá đề nghị hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, hoặc giám đốc cơ sở giáo dục thường xuyên quyết định việc thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước để giúp hội đồng tự đánh giá triển khai việc tự đánh giá. Chi phí thuê chuyên gia tư vấn thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa hai bên, nhưng phải phù hợp với khả năng kinh phí của cơ sở giáo dục và tuân theo các quy định hiện hành về tài chính của Nhà nước.

Chi xây dựng phương án điều tra, thu thập thông tin; xử lý, phân tích kết quả thu thập thông tin; xây dựng và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá: Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC, tối đa không quá 10 triệu đồng/kết quả tự đánh giá hoàn chỉnh. Căn cứ khả năng kinh phí thực hiện hoạt động tự đánh giá, hiệu trưởng hoặc giám đốc cơ sở giáo dục quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị về mức chi tiền công cụ thể cho các thành viên thực hiện tự đánh giá phù hợp với vai trò của từng thành viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của quá trình tự đánh giá, trong đó chi xây dựng và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá khoán theo sản phẩm cuối cùng không quá 2 triệu đồng/báo cáo.

Đối với chi hoạt động đánh giá ngoài, Thông tư quy định các khoản chi tiền công cho thành viên đoàn đánh giá ngoài như sau: Căn cứ khả năng kinh phí thực hiện hoạt động đánh giá ngoài, giám đốc sở giáo dục và đào tạo quyết định mức chi tiền công cụ thể cho các thành viên đoàn đánh giá ngoài (trưởng đoàn, thư ký, thành viên) phù hợp với vai trò của từng thành viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ đánh giá ngoài và thực tế tại địa phương.

Cụ thể, chi tiền công nghiên cứu hồ sơ đánh giá, viết báo cáo sơ bộ: Tối đa không quá 1 triệu đồng/người/báo cáo.

Chi tiền công trong thời gian làm việc tập trung nghiên cứu hồ sơ đánh giá, thực hiện khảo sát chính thức tại cơ sở giáo dục: Tối đa không quá 200.000 đồng/người/ngày.

Chi xây dựng và hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài: Mức chi khoán theo sản phẩm cuối cùng không quá 2 triệu đồng/báo cáo.

Chi in ấn và văn phòng phẩm, chi in và cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục, bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia: Thực hiện theo thực tế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2021.

*** Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022**

Ngày 26/07/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 61/2021/TT-BTC hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2022 - 2024.

Thông tư nêu rõ, năm 2022 - là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước mới, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục

tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của cả giai đoạn 2021-2025 và các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2025.

Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 được xây dựng theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; có đầy đủ thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán; phù hợp với Nghị quyết của Đảng, các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển một số địa phương theo quy định, các văn bản pháp luật và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan.

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 phải được xây dựng ở mức phấn đấu tích cực, khả thi. Cụ thể, phấn đấu dự toán thu nội địa năm 2022 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bình quân cả nước tăng khoảng 6 - 8% so với đánh giá ước thực hiện năm 2021 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2022 tăng bình quân khoảng 4 - 6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2021.

Việc xây dựng dự toán thu năm 2022 bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài chính thế giới và trong nước, trong bối cảnh tiếp tục đối mặt nhiều rủi ro, khó khăn, đặc biệt là các thách thức, tác động của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai và các xu hướng mới về dịch chuyển đầu tư, thương mại, chuyển đổi số, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, gia hạn thời gian nộp thuế, giảm phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý giảm tỉ lệ nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Trong xây dựng dự toán thu nội địa ngân sách nhà nước năm 2022, tạm tính phân cấp một số khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương, (tỷ lệ cụ thể Chính phủ sẽ trình Quốc hội quyết định sau) như sau:

Số thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu: Tính 37,2% số thu là khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; 62,8% số thu điều tiết 100% về ngân sách Trung ương.

Số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản: Trường hợp giấy phép khai thác do cơ quan trung ương cấp, thực hiện phân chia 70% số thu cho ngân sách Trung ương, 30% cho ngân sách địa phương; trường hợp giấy phép khai thác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thực hiện để lại 100% cho ngân sách địa phương.

Thông tư cũng nêu rõ, xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập. Ưu tiên và tập trung nguồn lực thực

hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, chi an sinh xã hội, chi đầu tư phát triển và đảm bảo an ninh, quốc phòng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2022 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Riêng đối với dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, ưu tiên bố trí dự toán năm 2022 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công, thu hồi vốn ứng trước ngân sách nhà nước; các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2022; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các dự án, công trình phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo hình thức đối tác công tư (PPP); cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp với tiến độ thực hiện và giải ngân trong năm 2022.

Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước về tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế-xã hội của địa phương tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/9/2021.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Chính trị:

Quyết định điều động, chỉ định ông Nguyễn Hồng Lĩnh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thôi giữ chức Phó ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương và chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tham gia Ban chấp hành Đảng ủy Quân khu 7, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

* Ban Bí thư Trung ương Đảng:

Quyết định ông Phạm Tấn Công, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương thôi tham Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương; điều động và chỉ định giữ chức Bí thư Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

* Quốc hội: Ban hành Nghị quyết về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026

Quốc hội ban hành Nghị quyết số 08/2021/QH15 quyết nghị cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV gồm 18 Bộ và 4 cơ quan ngang Bộ.

Cụ thể, 18 Bộ gồm: 1. Bộ Quốc phòng; 2. Bộ Công an; 3. Bộ Ngoại giao; 4. Bộ Nội vụ; 5. Bộ Tư pháp; 6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 7. Bộ Tài chính; 8. Bộ Công Thương; 9. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 10. Bộ Giao thông vận tải; 11. Bộ Xây dựng; 12. Bộ Tài nguyên và Môi trường; 13. Bộ Thông tin và Truyền thông; 14. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; 15. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 16. Bộ Khoa học và Công nghệ; 17. Bộ Giáo dục và Đào tạo; 18. Bộ Y tế.

4 cơ quan ngang Bộ gồm: 1. Ủy ban Dân tộc; 2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 3. Thanh tra Chính phủ; 4. Văn phòng Chính phủ.

* Tại Nghị quyết số 20/2021/QH15, Quốc hội quyết nghị cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV gồm 27 thành viên:

- Thủ tướng Chính phủ.

- 4 Phó Thủ tướng Chính phủ.

- 18 Bộ trưởng các Bộ: Quốc phòng; Công an; Ngoại giao; Nội vụ; Tư pháp; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông vận tải; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Y tế.

- 4 Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tổng Thanh tra Chính phủ; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

* Quốc hội cũng đã ban hành Nghị quyết số 21/2021/QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Cụ thể, Quốc hội quyết nghị phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với các ông, bà sau đây: Ông Nguyễn Văn Dũng; ông Ngô Tiến Hùng; ông Nguyễn Biên Thùy; bà Đào Thị Minh Thủy.

*** Bộ Tài chính:**

Ông Trần Quân, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, thay cho ông Nguyễn Đức Chi (đã được bổ nhiệm giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Tài chính).

*** Thành phố Hồ Chí Minh:**

Ông Nguyễn Ngọc Cường, nguyên Quận ủy viên, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

*** Tỉnh Quảng Ngãi:**

Ông Nguyễn Đức On, Cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy, nguyên Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Xây dựng, kể từ ngày 10/8/2021.

Nguồn: baohinhphu.vn